

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2
KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC



NGUYỄN THỊ NHUNG

THỰC TRẠNG KĨ NĂNG
HỌC PHÂN MÔN TẬP LÀM VĂN
CỦA HỌC SINH LỚP 3

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Chuyên ngành: Tâm lí học

Người hướng dẫn khoa học

ThS. LÊ XUÂN TIẾN

HÀ NỘI - 2014

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “**Thực trạng kĩ năng học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 3**”, tôi đã nhận được sự hướng dẫn rất tận tình của thầy giáo - Thạc sĩ Lê Xuân Tiến, sự giúp đỡ của các thầy, cô giáo trong khoa Giáo dục Tiểu học trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, sự giúp đỡ của cô giáo chủ nhiệm lớp 3A1, cô giáo chủ nhiệm lớp 3A2 và các em học sinh lớp 3A1, lớp 3A2.

Qua đây, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các thầy, cô giáo và bạn bè trong khoa Giáo dục Tiểu học trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, các thầy, cô giáo Trường Tiểu học Đồng Xuân - Thị xã Phúc Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc, cùng toàn thể các em học sinh lớp 3A1 và 3A2. Và đặc biệt gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến thầy giáo - Thạc sĩ Lê Xuân Tiến đã hướng dẫn và tạo những điều kiện tốt nhất để tôi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, tháng 5 năm 2014

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Nhung

LỜI CAM ĐOAN

Đề tài: “**Thực trạng kĩ năng học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 3**” được hoàn thành qua quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và tham khảo các tài liệu có liên quan dưới sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo **Th.S Lê Xuân Tiến** - giảng viên tổ Tâm lý - Giáo dục trường ĐHSP Hà Nội 2.

Tôi xin cam đoan khóa luận với đề tài này là kết quả nghiên cứu của riêng tôi. Những kết quả thu được là hoàn toàn chân thực và chưa có trong một đề tài nghiên cứu nào.

Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm!

Hà Nội, tháng 5 năm 2014

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Nhung

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Lý do chọn đề tài | 1 |
| 2. Mục đích nghiên cứu | 2 |
| 3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu..... | 2 |
| 4. Giả thuyết khoa học | 3 |
| 5. Nhiệm vụ nghiên cứu..... | 3 |
| 6. Phương pháp nghiên cứu | 3 |
| 7. Phạm vi nghiên cứu | 4 |
| 8. Ý nghĩa khoa học của đề tài..... | 4 |
| 9. Cấu trúc khóa luận | 4 |
| NỘI DUNG | 5 |
| CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN..... | 5 |
| 1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài khóa luận..... | 5 |
| 1.2. Những vấn đề lý luận liên quan đến đề tài | 6 |
| 1.2.1. Hoạt động học tập của học sinh tiểu học | 6 |
| 1.2.1.1. Khái niệm hoạt động học tập | 6 |
| 1.2.1.2. Cấu trúc của hoạt động học tập..... | 7 |
| 1.2.2. Kỹ năng và kỹ năng học tập..... | 10 |
| 1.2.2.1. Khái niệm kỹ năng..... | 10 |
| 1.2.2.2. Kỹ năng học tập | 12 |
| 1.2.3. Các kỹ năng học phân môn Tập làm văn..... | 14 |
| 1.2.3.1. Kỹ năng nói..... | 14 |
| 1.2.3.2. Kỹ năng viết văn bản | 16 |
| 1.2.4. Một số đặc điểm tâm lý của học sinh lớp 3 có liên quan đến đề tài khóa luận | 17 |
| 1.2.5. Khái quát về phân môn Tập làm văn lớp 3 | 18 |
| 1.2.5.1. Chương trình dạy học Tập làm văn lớp 3 | 18 |
| 1.2.5.2. Quy trình dạy – học của tiết Tập làm văn..... | 18 |
| CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KỸ NĂNG HỌC PHÂN MÔN TẬP LÀM VĂN CỦA HỌC SINH LỚP 3 | 20 |
| 2.1. Thực trạng kỹ năng nói..... | 20 |
| 2.2. Thực trạng kỹ năng viết bài Tập làm văn..... | 23 |
| 2.2.1. Thực trạng kỹ năng xác định yêu cầu của bài viết..... | 23 |
| 2.2.2. Thực trạng kỹ năng lập dàn ý của bài viết | 26 |
| 2.2.3. Thực trạng kỹ năng viết đoạn văn..... | 29 |

| | |
|---|----|
| CHƯƠNG 3. THỬ NGHIỆM BIỆN PHÁP NÂNG CAO KĨ NĂNG HỌC PHÂN MÔN TẬP LÀM VĂN CHO HỌC SINH LỚP 3 | 35 |
| 3.1. Mục tiêu thử nghiệm..... | 35 |
| 3.2. Nội dung cơ bản của chương trình thử nghiệm | 35 |
| 3.2.1. Soạn giáo án dạy thử nghiệm | 35 |
| 3.2.2. Xác định các biện pháp phát triển kĩ năng học phân môn Tập làm văn cho học sinh | 35 |
| 3.2.3. Khách thể thử nghiệm và đối chứng | 39 |
| 3.3. Kết quả nghiên cứu | 39 |
| 3.3.1. Kĩ năng nói (kể chuyện)..... | 39 |
| 3.3.2. Kĩ năng viết đoạn văn..... | 41 |
| KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ..... | 43 |
| 1. KẾT LUẬN..... | 43 |
| 2. KIẾN NGHỊ..... | 43 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 45 |

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong hệ thống giáo dục quốc gia thì "Tiểu học là cấp học nền tảng, đặt cơ sở ban đầu cho việc hình thành, phát triển toàn diện nhân cách của con người, đặt nền tảng vững chắc cho giáo dục phổ thông và toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân" (Theo quyết định số 2957/GD - ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo). Sở dĩ như vậy vì ở tiểu học, lần đầu tiên trẻ tham gia vào các hoạt động học với tư cách là hoạt động chủ đạo. Trong quá trình học đó, ở học sinh sẽ hình thành hệ thống những kiến thức và kỹ năng học tập cơ bản gắn với từng môn học. Chương trình môn Tiếng Việt ở Tiểu học nhằm hình thành và phát triển ở học sinh các kỹ năng sử dụng Tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong môi trường hoạt động của lứa tuổi. Các phân môn trong môn học này đều hướng tới thực hiện nhiệm vụ trên, trong đó phân môn Tập làm văn có vai trò đặc biệt quan trọng.

Tập làm văn nối tiếp một cách tự nhiên các bài học khác nhau trong môn Tiếng Việt như Tập đọc, Luyện từ và câu, Kể chuyện,... Nó mang tính chất thực hành toàn diện, tổng hợp và sáng tạo nhằm giúp học sinh có một năng lực mới: năng lực tạo lập văn bản. Học sinh biết cách sử dụng Tiếng Việt làm công cụ tư duy, giao tiếp và học tập chính là nhờ năng lực này. Qua tiết Tập làm văn học sinh có khả năng xây dựng một văn bản, đó là bài nói, bài viết. Nói và viết là những hình thức giao tiếp rất quan trọng, thông qua đó con người thực hiện quá trình tư duy - chiếm lĩnh tri thức, trao đổi tư tưởng, tình cảm, quan điểm, giúp mọi người hiểu nhau cùng hợp tác trong cuộc sống lao động. Ngôn ngữ (dưới dạng nói - ngôn bản, dưới dạng viết văn bản) giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển của xã hội. Chính vì vậy hướng dẫn học sinh nói đúng, viết đúng là hết sức cần thiết. Nhiệm vụ nặng nề đó phụ thuộc

rất lớn vào việc giảng dạy môn Tiếng Việt nói chung và phân môn Tập làm văn nói riêng, cụ thể ở đây là chương trình Tập làm văn lớp 3.

Qua thực tế học tập, tôi thấy phân môn Tập làm văn là phân môn khó so với các phân môn khác của môn Tiếng Việt. Do đặc trưng phân môn Tập làm văn với mục tiêu cụ thể là: “Hình thành và rèn luyện cho học sinh kỹ năng trình bày văn bản (nói và viết) ở nhiều thể loại khác nhau như: miêu tả, kể chuyện, viết thư, tường thuật, kể lại bản in, tập tổ chức cuộc họp, giới thiệu về mình và những người xung quanh”. Trong quá trình tham gia các hoạt động học tập này học sinh đang nắm các kỹ năng đó ở mức độ nào? Đây là vấn đề đáng được quan tâm tìm hiểu.

Với tư cách là một giáo viên trong tương lai việc tìm hiểu thực trạng kỹ năng học phân môn Tập làm văn của học sinh sẽ giúp bản thân tôi tích lũy được một số kinh nghiệm, kỹ năng và tri thức cần thiết cho hành trang vào nghề sắp tới.

Xuất phát từ những lí do trên và trong phạm vi nghiên cứu của mình, tôi đã chọn đề tài: **“Thực trạng kỹ năng học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 3”**.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu nhằm phát hiện thực trạng kỹ năng học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 3 và chỉ rõ nguyên nhân của thực trạng. Trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy và học phân môn Tập làm văn cho học sinh lớp 3 nói riêng và học sinh tiểu học nói chung.

3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

_ Đối tượng nghiên cứu: Kỹ năng học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 3.

_ Khách thể nghiên cứu: 62 học sinh lớp 3 trường Tiểu học Đồng Xuân - Phúc Yên - Vĩnh Phúc.

4. Giả thuyết khoa học

Các kỹ năng học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 3 trường Tiểu học Đồng Xuân - Phúc Yên - Vĩnh Phúc đạt ở mức trung bình và không đồng đều ở các học sinh. Nguyên nhân chủ yếu là do giáo viên chưa chủ động luyện tập để hình thành các kỹ năng học cho học sinh.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu những vấn đề lí luận có liên quan đến đề tài.

5.2. Xây dựng hệ thống bài tập nhằm tìm hiểu thực trạng kỹ năng học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 3, chỉ ra nguyên nhân của thực trạng đó.

5.3. Thử nghiệm một số biện pháp nhằm nâng cao kỹ năng học phân môn Tập làm văn cho học sinh lớp 3.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận

Tìm hiểu các khái niệm: Hoạt động, hoạt động học tập, kỹ năng học tập.

Tìm hiểu hệ thống kỹ năng (nói và viết) để làm một bài tập làm văn của học sinh Tiểu học.

6.2. Phương pháp quan sát

Quan sát tinh thần học tập của học sinh trên lớp ở môn Tiếng Việt và đặc biệt là phân môn Tập làm văn.

6.3. Phương pháp thực nghiệm

Biên soạn các bài tập để đo thực trạng kỹ năng làm bài của học sinh.

6.4. Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động

Phân tích các sản phẩm của học sinh: vở bài tập, bài kiểm tra của học sinh.

6.5. Phương pháp xử lý số liệu

Dùng toán thống kê để xử lý số liệu, so sánh đối chiếu để rút ra kết luận.

7. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài chỉ nghiên cứu kỹ năng nói và viết của học sinh trong phân môn Tập làm văn ở lớp 3.

8. Ý nghĩa khoa học của đề tài

Đề tài này góp phần tìm hiểu thực trạng kỹ năng (nói và viết) trong học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nói và viết bài văn. Từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng học phân môn Tập làm văn cho học sinh.

9. Cấu trúc khóa luận

- Phần mở đầu
- Phần nội dung
 - + Chương 1: Cơ sở lý luận.
 - + Chương 2: Thực trạng kỹ năng học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 3.
 - + Chương 3: Thử nghiệm biện pháp nhằm nâng cao kỹ năng học phân môn Tập làm văn cho học sinh lớp 3.
- Kết luận và kiến nghị
 - +Kết luận.
 - +Kiến nghị.
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục

NỘI DUNG
CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài khóa luận

Vấn đề kỹ năng và kỹ năng học tập đã có nhiều công trình nghiên cứu. Trong khuôn khổ của đề tài này, chúng tôi khái quát các hướng nghiên cứu kỹ năng.

- Hướng thứ nhất: Các công trình nghiên cứu kỹ năng ở mức độ đại cương, khái quát về bản chất kỹ năng, các giai đoạn, các quy luật, các điều kiện hình thành kỹ năng, mối quan hệ qua lại giữa kỹ năng, kỹ xảo và năng lực, tiêu biểu là các tác giả: A.V.Petrovski, V.A.Cruchetxiki,...

- Hướng thứ hai: Các công trình nghiên cứu kỹ năng ở góc độ tâm lý học lao động và giáo dục lao động, xem xét vấn đề kỹ năng trong mối quan hệ con người và máy móc. Hướng nghiên cứu này có các tác giả như: V.V.Tebuseva, Trần Trọng Thủy,...

- Hướng thứ ba: Các công trình nghiên cứu kỹ năng trong hoạt động sư phạm, kỹ năng hoạt động học tập của học sinh, đại diện hướng này là N.Đ.Levitov, Bùi Văn Huệ, Nguyễn Kế Hào,...

Điểm chung của các quan niệm về kỹ năng có thể thấy được đó là một người được coi là có kỹ năng về hành động nào đó thì phải có:

- + Tri thức về hành động.
- + Tiến hành hành động theo đúng yêu cầu.
- + Đạt được kết quả phù hợp với mục đích đề ra.
- + Có thể hành động có kết quả trong các điều kiện khác.

Nghiên cứu kỹ năng học tập của học sinh tiểu học đã được nhiều tác giả quan tâm. Nguyễn Kế Hào đã chỉ ra hệ thống kỹ năng học tập cơ bản của học sinh tiểu học như hệ thống kỹ năng thực hiện hành động phân tích, hệ thống kỹ năng thực hiện hành động lập mô hình, hệ thống kỹ năng cụ thể hoá, kỹ năng vận dụng,... Đặng Thành Hưng đã đưa ra cơ sở tâm lý học và lý luận dạy học của kỹ năng học tập ở học sinh cấp 1. Vũ Trọng Rỹ đưa ra cơ sở lý luận về rèn luyện kỹ năng học tập cho học sinh. Nguyễn Thị Mùi nghiên cứu kỹ năng sử dụng mô hình trong giải bài tập toán có lời văn của học sinh lớp 3. Với hai nhóm kỹ năng: kỹ năng xây dựng mô hình và kỹ năng làm việc trên mô hình.

Công trình của Nguyễn Minh Hải về kỹ năng giải bài toán có lời văn của học sinh tiểu học và những điều kiện tâm lý hình thành chúng. Công trình nghiên cứu của Nguyễn Phú Thông Thái về hình thành kỹ năng học tập cơ bản cho học sinh lớp 1 thông qua một số môn học.

Nghiên cứu kỹ năng trong giảng dạy Tiếng Việt như Lê Phương Nga, Đỗ Xuân Thảo, Lê Hữu Tinh và những tác giả khác đã chỉ sự mã hoá và giải mã trong môn Tiếng Việt có liên quan đến sự mã hoá và giải mã nói chung. Tác giả Nguyễn Trí đã đưa ra các yêu cầu luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Việt cho học sinh tiểu học.

Điём qua các công trình nghiên cứu ở trên đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến đề tài. Tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu thực trạng kỹ năng học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 3 trường Tiểu học Đồng Xuân - Phúc Yên - Vĩnh Phúc.

1.2. Những vấn đề lý luận liên quan đến đề tài

1.2.1. Hoạt động học tập của học sinh tiểu học

1.2.1.1. Khái niệm hoạt động học tập

Hoạt động học tập là hoạt động của học sinh nhằm lĩnh hội nội dung kinh nghiệm xã hội, đó là loại học có chủ định, phân biệt với loại học không

chủ định. Hoạt động học tập có thể được thực hiện khi con người có khả năng điều khiển và điều chỉnh những hành động của mình một cách có ý thức.

Theo D.B.Encônhin, hoạt động học tập trước hết là hoạt động nhờ đó diễn ra sự thay đổi trong bản thân học sinh. Đó là hoạt động nhằm tự biến đổi trong chính bản thân chủ thể trong quá trình thực hiện nó.

Quan niệm của Nguyễn Quang Uẩn về học tập có mục đích hay hoạt động học tập phù hợp với điều kiện mở hiện nay: hoạt động học tập được thực hiện theo phương thức nhà trường, do người học thực hiện dưới sự hướng dẫn của thầy giáo, nhằm lĩnh hội những tri thức, khái niệm khoa học và hình thành những kĩ năng, kĩ xảo tương ứng, làm phát triển trí tuệ và năng lực con người để giải quyết các nhiệm vụ do cuộc sống đặt ra [4, trang 160].

Hoạt động học tập là hoạt động chủ đạo của học sinh tiểu học. Hoạt động này có một số đặc điểm sau:

+ Hoạt động học tập đích thực lần đầu tiên xuất phát ở học sinh tiểu học, là hoạt động có đối tượng, có phương pháp và được tổ chức chuyên biệt.

+ Hoạt động học tập tạo ra cái mới trong tâm lí học sinh, đó là sự phát triển mạnh của các quá trình tâm lí có chủ định, hình thành các thuộc tính tâm lí và nhân cách học sinh, đáng chú ý ở cấp học này là sự phát triển trí tuệ của các em.

+ Hoạt động học được hình thành ở học sinh bằng phương pháp nhà trường, do giáo viên tổ chức, chỉ đạo.

1.2.1.2. Cấu trúc của hoạt động học tập

Theo Bùi Văn Huệ, Lê Văn Hồng và các tác giả khác thì cấu trúc của hoạt động học tập gồm các thành tố: động cơ học tập, nhiệm vụ học tập và các hành động học tập.

a. Động cơ học tập

Động cơ học tập là yếu tố tâm lí thúc đẩy học sinh học, là nguyên nhân của hoạt động học. Có hai loại động cơ:

- Động cơ nhận thức (động cơ bên trong) là đối tượng của hoạt động học mà kết quả là sau khi học sinh tiếp thu được đối tượng này thì thỏa mãn được nhu cầu nhận thức. Nói cách khác cái thôi thúc học sinh học là tri thức.

- Động cơ xã hội (động cơ ngoài). Đây sinh bên ngoài quá trình học tập, cái thôi thúc học sinh học không phải là tri thức mà là các mối quan hệ xã hội.

Cả hai loại động cơ trên đều được hình thành ở học sinh, tuy nhiên tùy thuộc vào nội dung và phương pháp dạy học mà loại động cơ nào đó nổi trội, giữ vai trò chủ đạo của học sinh. Xét theo quan điểm sư phạm thì động cơ nhận thức có giá trị hơn. Bởi vì động cơ nhận thức không phụ thuộc vào tình huống cụ thể và tạo ra sự say mê trong học tập, tạo ra tính tự giác, hứng thú của học sinh. Động cơ học tập không có sẵn mà được hình thành trong quá trình học sinh học tập. Nếu như trong từng tiết học, giáo viên tổ chức được quá trình học sinh tiếp thu tri thức (hiểu bài) vận dụng được tri thức để giải bài tập, giáo viên động viên, nhận xét đánh giá kịp thời thì dần dần hình thành mối quan hệ thiết thân giữa học sinh với tri thức. Nghĩa là câu hỏi học để làm gì được chính các em trả lời qua từng việc làm ở trường và ở nhà. Học tập dần dần trở thành một nhu cầu không thể thiếu được. Nó tạo nên sức mạnh tinh thần thường xuyên thúc đẩy các em vượt qua mọi khó khăn để giành lấy tri thức.

b. Nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ học tập là hình thức cụ thể hóa nội dung học thành mục đích và phương tiện học.

- Mục đích học tập là hình thức cụ thể hóa đối tượng học, đối tượng học là tri thức nói chung còn mục đích học là tri thức trong từng bài. Mỗi mục đích học hình thành cho học sinh một năng lực mới. Chẳng hạn, khi học khái

niệm câu học sinh có năng lực mới là liên kết từ thành câu. Mục đích học chỉ thực sự hình thành khi học sinh thực hiện hành động học.

- Phương tiện học là những cái học sinh dùng để đạt được mục đích học, có hai loại phương tiện:

+ Phương tiện bên ngoài: Đồ dùng học tập (do quá trình khác làm ra).

+ Phương tiện bên trong: Vốn kinh nghiệm, tri thức đã hình thành ở học sinh, loại phương tiện này do chính mỗi học sinh tạo ra. Đây là phương tiện chủ yếu trong hoạt động học.

Quá trình học tập là quá trình học sinh xác lập mối quan hệ mục đích - phương tiện để tạo ra sản phẩm mới là đạt được mục đích học tập. Trong quá trình học tập luôn có sự chuyển hóa từ mục đích thành phương tiện. Đó là quy luật cơ bản của hoạt động học. Quá trình học là quá trình giải quyết nhiệm vụ học, mỗi nhiệm vụ học mang lại cho học sinh những cái mới và được thể hiện ở kết quả học tập, kết quả đó có thể là nắm vững tri thức mới hoặc kĩ năng mới. Để giải quyết được nhiệm vụ học thì học sinh phải hiểu được nhiệm vụ học trên cơ sở phân tích nhằm phát hiện các yếu tố và mối quan hệ giữa các yếu tố trong nhiệm vụ học cũng như mối quan hệ giữa các yếu tố đó với tri thức cũ. Từ đó, học sinh vạch ra kế hoạch để giải quyết nhiệm vụ học. Đây là giai đoạn định hướng hành động, giai đoạn này quyết định chất lượng phần thực hiện hành động.

c. Hành động học tập

Học sinh thực hiện nhiệm vụ học bằng các hành động học. Có ba loại hành động học.

+ Hành động phân tích là hành động tiên quyết trong quá trình lĩnh hội tri thức của học sinh. Đó là quá trình học sinh phân giải đối tượng thành các yếu tố và mối liên hệ giữa chúng. Mục đích của hành động phân tích là phát hiện ra nguồn gốc, cấu trúc của khái niệm.

+ Hành động mô hình hoá là quá trình học sinh xác lập mối quan hệ giữa đối tượng và mô hình của nó bằng phép tương ứng hay đẳng cấu. Thông qua mô hình học sinh nghiên cứu gián tiếp đối tượng. Học sinh lập mô hình phải dựa vào kết quả của hành động phân tích.

+ Hành động cụ thể hoá là quá trình học sinh vận dụng tri thức, phương pháp chung để giải bài tập, hình thành kĩ năng, kĩ xảo. Mục đích của hoạt động này là vận dụng mối quan hệ tổng quát của khái niệm vào trường hợp cụ thể.

Vận dụng cấu trúc của hoạt động học vào quá trình dạy và học phân môn Tập làm văn, giáo viên căn cứ vào nội dung học để thiết kế thành các nhiệm vụ học. Từ đó, hướng dẫn học sinh thực hiện các hành động học để giải quyết nhiệm vụ học.

1.2.2. Kĩ năng và kĩ năng học tập

1.2.2.1. Khái niệm kĩ năng

Theo từ điển Tiếng Việt: “Kĩ năng là khả năng vận dụng kiến thức đã thu nhận được trong một lĩnh vực nhất định vào thực tế” [7, trang 520].

Theo Lê Văn Hồng: “Kĩ năng - khả năng vận dụng kiến thức (khái niệm, cách thức, phương pháp,...) để giải quyết một nhiệm vụ mới” [4, trang 131].

Theo Bùi Văn Huệ: “Kĩ năng là vận dụng tri thức, khái niệm, định nghĩa, định luật,... vào thực tiễn. Kĩ năng còn là hành động ý chí đòi hỏi phải “động não”, suy xét, tính toán, phải có nỗ lực ý chí thì mới hoàn thành được” [5, trang 156].

Qua các quan niệm trên, có thể khái quát một số đặc trưng chung về kĩ năng như sau:

- Kĩ năng bao giờ cũng gắn với một hành động hay một hoạt động nào đó, bằng cách lựa chọn và vận dụng những tri thức, những kinh nghiệm đã có để thực hiện hành động đó phù hợp với những mục tiêu và điều kiện thực tế

đã cho. Khái niệm kỹ năng có thể hiểu trên cơ sở các quan niệm về hoạt động, hành động, thao tác.

- Mọi kỹ năng xét về mặt cấu trúc đều bao gồm các thành phần:
- + Cá nhân phải hiểu mục đích của hành động.
- + Biết cách thức để đi đến kết quả.
- + Hiểu những điều kiện cần thiết để triển khai các cách thức đó.

Kỹ năng chính là mặt kỹ thuật của hành động, biểu hiện mức độ đúng đắn của hành động. Kỹ năng không có đối tượng riêng mà đối tượng của nó chính là đối tượng của hành động. Không có kỹ năng chung chung mà kỹ năng bao giờ cũng là kỹ năng của một hành động cụ thể.

Giữa việc tiếp thu kiến thức và việc hình thành kỹ năng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Việc tiếp thu kiến thức sẽ tạo nên cơ sở, nền tảng cho việc hình thành kỹ năng. Cho nên, kỹ năng cũng có thể hiểu là sự thể hiện của kiến thức trong hành động. Ngược lại, khi kỹ năng được hình thành và phát triển sẽ làm sâu sắc hơn sự hiểu biết của kiến thức. Đồng thời để hình thành kỹ năng, bao giờ con người cũng phải triển khai hành động ở dạng khái quát nhất, đầy đủ nhất và luyện tập trong các tình huống khác nhau đến mức có thể nắm được các quy tắc, quy luật chung hành động cũng như có thể triển khai nó ở dạng xa hơn dạng ban đầu. Từ đây, ta có thể rút ra những dấu hiệu bản chất của một hành động đạt đến mức kỹ năng gồm:

- Cá nhân phải có tri thức (lí thuyết) về hành động.
- Thực hiện hành động theo đúng yêu cầu.
- Đạt được kết quả phù hợp với mục đích đề ra.
- Có thể thực hiện hành động có hiệu quả trong những điều kiện khác nhau.

Thực tế dạy học ở tiểu học cho thấy giáo viên thường cố gắng truyền đạt cho học sinh nhiều tri thức. Khi nắm được tri thức là khi học sinh hiểu biết

và ghi nhớ những khái niệm khoa học. Sau đó, khi vận dụng tri thức vào thực tiễn là khi các em có kỹ năng. Tuy nhiên, kỹ năng vẫn là hành động ý chí đòi hỏi phải “động não”, suy xét, tính toán thì mới hoàn thành được. Khi kỹ năng được củng cố vững chắc, trở nên tự động hóa hoặc nửa tự động hóa thì kỹ năng biến thành kỹ xảo. Nói một cách đơn giản, kỹ xảo là kỹ năng đã được củng cố và tự động hóa.

Tuy vậy, ta cũng cần phân biệt giữa kỹ năng và kỹ xảo. Mặc dù về bản chất đều là thuộc tính kỹ thuật của hành động cá nhân. đều được hình thành trên cơ sở các tri thức về hành động đã được lĩnh hội và triển khai trong thực tiễn nhưng so với kỹ năng thì kỹ xảo thuần thực hơn, tự động hóa và được giải phóng khỏi sự kiểm soát của ý thức. Nhờ có kỹ xảo, con người có thể đạt được kết quả cao trong hành động.

1.2.2.2. Kỹ năng học tập

a. Khái niệm kỹ năng học tập

Mỗi hoạt động khác nhau, đòi hỏi phải có kỹ năng tương ứng. Kỹ năng học tập là một thành phần không thể thiếu để tạo nên cách học cho học sinh.

Trong Tâm lý học, kỹ năng học tập được hiểu là khả năng vận dụng có kết quả những tri thức về phương thức thực hiện các hành động học tập đã được học sinh lĩnh hội để giải quyết nhiệm vụ học tập đề ra phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện cho phép.

Kỹ năng học tập có những đặc trưng sau:

- Kỹ năng học tập thể hiện mặt năng lực học tập của học sinh, liên quan chặt chẽ với hiệu quả học tập và là yếu tố có tính chất quyết định đến kết quả học tập.

- Kỹ năng học tập thể hiện mặt kỹ thuật của hành động học tập, là sự tổ hợp các phương thức thực hiện hành động học tập đã được học sinh nắm vững và vận dụng có hiệu quả vào việc giải quyết các nhiệm vụ học tập đề ra.

- Kỹ năng học tập là một hệ thống phức tạp và phát triển, bao gồm trong nó những kỹ năng chuyên biệt. Có những kỹ năng chung, cơ bản cần thiết cho nhiều môn học, có những kỹ năng của từng môn học. Chẳng hạn, với học sinh tiểu học thì kỹ năng viết cần cho nhiều môn học, kỹ năng nói, nghe, đọc, viết,... là kỹ năng riêng cho môn Tiếng Việt.

Trên cơ sở lí thuyết của hoạt động học của D.B.Encônhin và V.V.Đavudóp, thông qua thực nghiệm dạy học, tác giả Nguyễn Kế Hào đã đưa ra một hệ thống kỹ năng học tập cơ bản của học sinh tiểu học. Đó là hệ thống các kỹ năng thực hiện hành động phân tích; hệ thống các kỹ năng thực hiện hành động lập mô hình; hệ thống kỹ năng cụ thể hóa, kỹ năng vận dụng trong học tập và trong đời sống hằng ngày như: kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, kỹ năng tính nhẩm (cộng, trừ, nhân, chia)...

b. Các giai đoạn hình thành kỹ năng học tập

Kỹ năng học tập được hình thành bằng con đường luyện tập và được chia thành theo ba bước:

Bước 1: Học sinh nhận thức đầy đủ về mục đích, cách thức và điều kiện thực hiện hành động học.

Bước 2: Học sinh quan sát mẫu và làm thử theo mẫu.

Bước 3: Học sinh luyện tập để tiến hành hành động học theo đúng yêu cầu, điều kiện của hành động nhằm đạt mục đích đề ra.

Việc xác định các bước hình thành kỹ năng học tập nêu trên có tính quy ước, còn trong thực tế không thể tách rời bước 1 và bước 2. Việc tách bước 1 và bước 2 là sự tách rời “học” và “hành”, tách kỹ năng ra khỏi hành động.

Khi nghiên cứu sự hình thành kỹ năng, nhiều nhà tâm lí học cho rằng thực chất của việc hình thành kỹ năng là làm cho học sinh nắm vững một hệ thống phức tạp các thao tác, nhằm biến đổi và làm sáng tỏ những thông tin

chứa đựng trong bài tập, trong nhiệm vụ và đối chiếu với những hành động cụ thể, muốn vậy khi hình thành kỹ năng học tập cho học sinh cần phải:

- Giúp học sinh biết cách tìm tòi, phân tích để xác định yếu tố đã cho, yếu tố phải tìm và mối quan hệ giữa chúng.

- Giúp học sinh hình thành một mô hình khái quát để giải quyết các bài tập, các đối tượng cùng loại.

- Xác định được mối liên hệ giữa các bài tập mô hình khái quát và kiến thức tương ứng.

1.2.3. Các kỹ năng học phân môn Tập làm văn

Xuất phát từ mục tiêu của môn học, các kỹ năng sử dụng Tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) trở thành trọng tâm và luyện tập suốt cấp tiểu học. Kỹ năng học tập Tiếng Việt là một hệ thống kỹ năng đặc biệt. Nó mang tính hệ thống cao và gắn liền với văn hoá ứng xử, mang đậm tính dân tộc, gắn với kinh nghiệm, vốn hiểu biết của cá nhân. Nó còn mang tính thực hành cao, gắn liền với các dạng hoạt động lời nói, các tình huống giao tiếp.

Theo các tác giả Nguyễn Trí, Lê Phương Nga, Nguyễn Minh Thuyết thì có bốn kỹ năng là nghe, nói, đọc, viết Tiếng Việt của học sinh tiểu học. Nhưng trong bốn kỹ năng trên thì kỹ năng nói và kỹ năng viết là quan trọng nhất.

1.2.3.1. Kỹ năng nói

Nói là hành động phát tin nhờ sử dụng bộ máy phát âm. Đầu tiên học sinh nói phải xác định nội dung lời nói, lựa chọn ngôn ngữ để diễn tả nội dung đó. Sau đó, học sinh sử dụng bộ máy phát âm để truyền đi chuỗi lời nói đã được xác định. Từ đặc điểm kiểu giao tiếp, người ta nói đến hai dạng nói: đối thoại và độc thoại. Mỗi dạng có những đặc điểm riêng.

- Đối thoại là học sinh tham gia vào quá trình xây dựng nội dung và diễn biến cuộc hội thoại. Đối thoại đòi hỏi sự thích ứng nhanh khi đổi vai để có thể nhập ngay vào nội dung của đối thoại. Lời đối thoại thường ngắn gọn,

các từ đưa đẩy chèn xen được sử dụng nhiều tạo ra câu văn, lời văn có phong cách khẩu ngữ. Có sự hỗ trợ của các yếu tố phi ngôn ngữ như: cử chỉ, điệu độ, nét mặt...

- Độc thoại thường gắn vai trò chủ động trong việc lựa chọn nội dung, định hướng nói trong việc xác định phương pháp nói. Lời độc thoại thường diễn ra liên tục. Do đó học sinh ít có thời gian ngừng nghỉ để chuẩn bị. Điều này đòi hỏi học sinh cần chuẩn bị kỹ lưỡng nội dung trước khi nói. Sự chuẩn bị không chu đáo sẽ dẫn tới tình trạng nói lộn xộn hoặc luống cuống không nói được.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nói. Trước tiên phải kể đến hoạt động của bộ máy phát âm. Nếu bộ máy này có khuyết tật sẽ ảnh hưởng lớn đến kỹ năng nói. Mặt khác, vốn sống, vốn hiểu biết của học sinh, khả năng ứng đối nhanh nhạy, thông minh, cách chọn đề tài nói sao cho đúng sở trường của bản thân, đúng yêu cầu người nghe... là những yếu tố ảnh hưởng lớn đến sự thành bại của bài nói.

Trong môn Tiếng Việt hiện nay, phân môn Kể chuyện và Tập làm văn đều có nội dung luyện nói. Các giờ Tập làm văn nói có nhiệm vụ luyện cho học sinh độc thoại để trình bày các bài nói thuộc nhiều đề tài khác nhau: miêu tả, kể chuyện, viết thư, tường thuật... “Trong thực tế hiện nay ít giờ Tập làm văn nói thành công. Thường học sinh không chịu nói hoặc nếu bắt buộc phải nói học sinh đọc lại bài đã chuẩn bị. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên: học sinh phải nói cả những bài không thể nói (ví dụ một bức thư, một bài văn tả cảnh...) đề tài”.

Các bài tập luyện kỹ năng nói ở trường tiểu học:

- a. Loại bài tập phát âm theo chuẩn.
- b. Loại bài tập tình huống (trò chơi, đóng vai, đóng kịch,...) để luyện các nghi thức lời nói và phát triển ngôn ngữ nói.

c. Loại bài tập cách nói dựa theo câu hỏi định hướng hoặc trả lời câu hỏi. Hiện nay ở các lớp 2 và 3 có các tiết Tập làm văn nói kể lại nội dung bài tập đọc, nội dung của tranh vẽ,... theo các câu hỏi gợi ý.

d. Loại bài tập luyện cách nói theo dàn bài. Hình thức này được luyện tập trong các tiết Tập làm văn nói. Để bài tập làm văn nói phải tạo ra tình huống giao tiếp, tạo nhu cầu và hứng thú nói năng cho học sinh khi bước vào tiết học, hướng dẫn học sinh sử dụng các yếu tố phụ trợ (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,...) khi nói năng, tổ chức lớp học theo hình thức phù hợp với giờ tập làm văn nói.

e. Loại bài tập luyện kỹ năng hội thoại. Giáo viên lựa chọn đề tài có thể gây tranh cãi, xây dựng thành tình huống giao tiếp để kích thích hứng thú tham gia của học sinh.

f. Loại bài kể chuyện: Loại bài này được áp dụng cả ở phân môn Kể chuyện và phân môn Tập làm văn. Cần chú ý hướng dẫn có tư thế, có giọng kể thích hợp, biết sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ hỗ trợ, đặc biệt nắm vững câu chuyện định kể.

1.2.3.2. Kỹ năng viết văn bản

Kỹ năng viết văn bản có hai mức độ: mức độ thấp là chép bài, ghi lại các văn bản đã có theo lời người khác đọc hoặc dựa vào trí nhớ. Đó là loại bài chính tả; mức độ cao là sự sáng tạo các loại văn bản theo đề tài tự chọn hoặc quy định. Viết các loại văn bản đòi hỏi nắm vững một hệ thống kỹ năng đa dạng. Có loại kỹ năng thường gắn với các thao tác tư duy như: kỹ năng xác định yêu cầu của đề bài, kỹ năng tìm ý để lập dàn ý, kỹ năng phát triển ý,... Có loại kỹ năng thiên về mặt ngôn ngữ như kỹ năng diễn đạt ý thành câu và đoạn, kỹ năng liên kết đoạn và bài, kỹ năng viết câu, dùng từ, kỹ năng sửa chữa văn bản.

Để viết thành công các loại văn bản, cần có vốn hiểu biết phong phú về đề tài bài viết, nắm vững đặc điểm đề tài định, có kỹ năng dùng từ, đặt câu, kỹ năng viết các loại văn bản thuộc các đề tài.

Kỹ năng viết các loại văn bản một cách sáng tạo được luyện tập từ lớp 2 đến lớp 5. Lớp 2 - 3 luyện tập các kỹ năng bộ phận liên quan đến các loại bài làm văn sẽ học ở lớp 4 - 5 như kỹ năng dùng từ đặt câu, kỹ năng quan sát, kỹ năng thuật lại nội dung bài học, kỹ năng trả lời các câu hỏi.

Các loại bài luyện tập viết văn bản:

- a. Loại bài tập tìm hiểu đề bài, tìm ý và lập dàn ý gắn với từng loại văn bản.
- b. Loại bài tập diễn đạt thành đoạn và bài theo các loại văn bản.

1.2.4. Một số đặc điểm tâm lí của học sinh lớp 3 có liên quan đến đề tài khoá luận

Học sinh lớp 3 là lớp cuối của giai đoạn thứ nhất tiểu học có hoạt động học là hoạt động chủ đạo. Hoạt động này đã được định hình. Chính vì vậy, đặc điểm tâm lí của học sinh lớp 3 khác nhiều so với đặc điểm tâm lí của học sinh lớp 2.

- Tri giác có chủ định đang dần chiếm ưu thế. Tính đối tượng, tính ý nghĩa, tính lựa chọn của tri giác tăng lên.

- Tư duy trừu tượng phát triển mạnh. Học sinh vận dụng các khái niệm, tri thức được thay thế bằng ngôn ngữ để tiếp thu khái niệm, tri thức mới. Học sinh lớp 3 đã biết tách các dấu hiệu bản chất ra khỏi các dấu hiệu không bản chất để khái quát thành khái niệm. Học sinh đã biết vận dụng các khái niệm để phán đoán nên phán đoán bắt đầu có tính giả định. Khi suy luận các em bắt đầu dựa trên các tài liệu ngôn ngữ và trừu tượng hơn. Tuy nhiên, học sinh vẫn còn dựa vào các hình ảnh tri giác hay biểu tượng để đi đến kết luận. Bởi vậy những nội dung mang tính trừu tượng hay những bài tập phức tạp vẫn gây khó

khăn cho việc thực hiện các thao tác tư duy và ảnh hưởng đến sự hình thành kỹ năng, kết quả giải bài tập.

- Năng lực tưởng tượng của học sinh diễn ra chủ yếu là nhờ vào việc tái tạo hình ảnh của hiện thực hoặc nhờ vào những sơ đồ, hình vẽ...

- Trí nhớ có chủ định đang dần chiếm ưu thế so với trí nhớ không chủ định. Học sinh lớp 3 đã ý thức và sử dụng các biện pháp ghi nhớ logic.

Những đặc điểm tâm lí trên có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành và phát triển các kỹ năng học Phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 3.

1.2.5. Khái quát về phân môn Tập làm văn lớp 3

1.2.5.1. Chương trình dạy học Tập làm văn lớp 3

Chương trình dạy học Tập làm văn lớp 3 gồm 35 tiết/năm, trong đó có 31 tiết thực học và 4 tiết ôn tập.

- Kì 1: 16 tiết + 2 tiết ôn tập.

- Kì 2: 15 tiết + 2 tiết ôn tập.

Nội dung dạy học Tập làm văn lớp 3 bao gồm những phần sau:

- Nói viết phục vụ cuộc sống hằng ngày (sản sinh văn bản thông thường như: viết đơn, điện báo, tổ chức cuộc họp, viết thư, viết giấy mời, viết báo cáo, lấy tin từ bài báo, ghi chép sổ tay, viết quảng cáo).

- Kể chuyện: Kể những câu chuyện đã nghe, những câu chuyện trong cuộc sống hằng ngày mình đã chứng kiến hoặc trải qua.

- Nói theo chủ đề: Nói về quê hương, dựa vào tranh vẽ nói về cảnh đẹp của đất nước, giới thiệu về trường và hoạt động của trường, nói về thành thị hoặc nông thôn.

Những nội dung dạy học này được phân bố theo từng bài học của phân môn Tập làm văn.

1.2.5.2. Quy trình dạy – học của tiết Tập làm văn

Phần I. Ôn định tổ chức lớp và kiểm tra bài cũ (3 - 5 phút).

Yêu cầu học sinh làm bài tập ở tiết trước, bài tập ở nhà hoặc nhắc lại những nội dung cần ghi nhớ về kiến thức, kỹ năng ở bài học trước. Giáo viên nhận xét kết quả, chấm bài (nếu có).

Phần II. Dạy bài mới.

a. Giới thiệu bài – ghi đầu bài lên bảng (1 - 2 phút)

b. Hướng dẫn làm các bài tập (20 - 25 phút):

Thực hành giải lần lượt các bài tập bằng nhiều hình thức, chú ý nội dung từng tiết dạy như: rèn kỹ năng nghe - nói - đọc - viết hoặc những hình thức khác nhau nhằm đạt được mục tiêu yêu cầu.

Phần 3. Củng cố - dặn dò.

- Giáo viên chốt lại nội dung kiến thức và kỹ năng vừa học.

- Dặn dò học sinh về nhà học bài, làm hoàn chỉnh bài và chuẩn bị bài sau.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KĨ NĂNG HỌC PHÂN MÔN TẬP LÀM VĂN CỦA HỌC SINH LỚP 3

Đối với học sinh Tiểu học thì phân môn Tập làm văn là một trong những phân môn khó của môn Tiếng Việt. Để thực hiện đề tài này tôi tiến hành khảo sát kĩ năng nói và viết của 62 học sinh lớp 3A1, 3A2 trường Tiểu học Đồng Xuân - Phúc Yên - Vĩnh Phúc.

Tôi tiến hành khảo sát dựa trên:

1. Thiết kế các bài tập đo.
2. Dự giờ và ghi biên bản các tiết học Tập làm văn của học sinh lớp 3 trường Tiểu học Đồng Xuân.
3. Thông qua trao đổi, trò chuyện với giáo viên chủ nhiệm của hai lớp 3A1 và 3A2.

Để đánh giá thực trạng kĩ năng nói và viết của học sinh lớp 3 khi học phân môn Tập làm văn tôi dựa vào những căn cứ sau: tốc độ nói, viết của học sinh; số lỗi học sinh mắc phải khi nói, viết và khả năng tái hiện văn bản viết bằng văn bản nói.

2.1. Thực trạng kĩ năng nói

Tập làm văn nói nhằm trang bị cho HS một số hiểu biết và kĩ năng phục vụ học tập và đời sống hằng ngày như: tổ chức họp, điều khiển cuộc họp và phát biểu trong cuộc họp, giới thiệu hoạt động của tổ, lớp và trường. Kể hoặc tả miệng về người thân, gia đình, trường lớp, quê hương, lễ hội, hoạt động thể thao - văn nghệ, ...

Kĩ năng nói là một trong những kĩ năng của học sinh tiểu học, có vai trò quan trọng trong quá trình học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 3. Trên thực tế, việc viết câu văn, đoạn văn có thành công hay không phụ thuộc

hiều vào sự chuẩn bị “ngôn ngữ nói” của học sinh. Ngoài việc “nói” rèn cho học sinh sự mạnh dạn, tự tin thì học sinh được rèn kỹ năng nói, tư duy phát triển tốt hơn. Trong quá trình nói học sinh đã có ý thức nói thành câu, trình bày vấn đề theo trình tự và sẽ “thuộc” nội dung bài sắp viết.

Mặt khác dựa vào bài nói của học sinh, giáo viên nắm bắt được ý hiểu nội dung bài viết của học sinh một cách nhanh nhất. Từ đó, giáo viên có thể sửa, điều chỉnh, bổ sung cho bài không chỉ của mình học sinh đó mà có thể cho cả lớp.

Qua thực tế, những học sinh nào chuẩn bị bài nói tốt thì bài viết sẽ tốt hơn. Để nắm được tình hình cụ thể về kỹ năng nói của học sinh (thu thập tài liệu cho bài viết), chúng tôi đã đưa ra đề bài sau:

Kể về một ngày hội mà em biết.

Các kết quả được đánh giá theo các mức độ:

Mức 1: Khá, giỏi.

Mức 2: Trung bình.

Mức 3: Yếu, kém.

Kết quả thu được trên đối tượng là 62 học sinh như sau:

Bảng 1: Kỹ năng nói

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|--------------|-----------|--------------|----------|--------------|-----------|
| Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ(%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
| 30 | 48.4% | 23 | 37.1% | 9 | 14.5% |

Từ kết quả điều tra trên ta thấy số học sinh có kỹ năng nói ở mức độ khá, giỏi chiếm 48.4% - thấp hơn so với học sinh đạt ở mức độ trung bình và yếu, kém (chiếm 51.6%).

Thực tế điều tra cho thấy số học sinh nói tốt vẫn chưa cao, các em nói vẫn kém. Những em đó khi nói còn ấp úng, ý giữa các câu không ăn nhập với

nhau... Như có em kể về ngày hội Hai Bà Trưng là: *“Em được ông dẫn đi xem hội đền Hai Bà Trưng vào năm ngoái. Hội rất đông người đến xem. Đó là vào ngày mùng 4 tháng Giêng ở Mê Linh, Hà Nội. Hội Hai Bà Trưng bắt đầu bằng tiếng trống và các trò chơi như đánh đu, chọi gà, đấu vật... Em cảm thấy rất vui.”*

Hoặc khi làm bài văn nói hoặc kể thì hầu hết các em chỉ trả lời các câu hỏi theo gợi ý của giáo viên, bởi vì vốn từ, vốn ngôn ngữ của các em còn hạn chế, kĩ năng nói kém, thời gian làm bài không đủ. Chẳng hạn có học sinh kể như sau: *“Đó là hội Gióng ở đền Sóc huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Hội được tổ chức từ ngày mùng 6 đến mùng 8 tháng 1 hằng năm. Mọi người đi xem hội rất đông. Hội bắt đầu bằng hoạt động dâng lễ vật đã được chuẩn bị chu đáo. Hội có rất nhiều trò vui như: chọi gà, cờ tướng, hát chèo, hát ca trù... Em rất thích ngày hội đó.”*

Một vấn đề nữa là có nhiều em nắm được đầy đủ kiến thức và chuẩn bị bài nói rất chu đáo nhưng do không tự tin, sợ nói trước đông người nên bài văn nói của các em cũng không đạt được kết quả cao. Hoặc một số em có kĩ năng nói tốt, biết cách diễn đạt, mạnh dạn nhưng các em lại không nắm được kiến thức, không có khả năng quan sát thì các em cũng không hoàn thành tốt bài văn nói của mình.

Nhưng bên cạnh đó cũng có học sinh kể rất hay và thú vị như: *“Năm nay, em được mẹ cho đi xem hội Lim ở thị trấn Lim, Tiên Du, Bắc Ninh. Hội được tổ chức vào ngày 13 tháng Giêng hằng năm. Hôm ấy, mọi người ở khắp nơi đổ về làng Lim. Hội Lim được mở đầu bằng lễ rước. Đoàn rước với đông đảo người dân tham gia trong những bộ lễ phục ngày xưa, sắc sỡ màu sắc và cũng vô cùng cầu kì, đẹp mắt kéo dài tới cả gần kilômet. Trong ngày hội, có rất nhiều trò chơi dân gian nổi tiếng như: đấu võ, đấu vật, đấu cờ, đu tiên, nấu cơm... Đặc sắc hơn cả là phần hát hội - là phần căn bản và đặc trưng*

nhất của hội Lim. Em thấy rất thích ngày hội này, năm sau em mong lại được đến hội Lim chơi.”

Hay có em kể về ngày hội Gióng như: “Hàng năm, cứ đến ngày mùng 7 tháng Giêng, em được bà đưa đi xem hội Gióng ở đền Sóc. Đến ngày hội, mọi người ở khắp nơi đổ về dâng hương tưởng nhớ thánh Gióng – vị anh hùng của dân tộc. Hội gióng bắt đầu bằng hoạt động dâng lễ vật được chuẩn bị rất chu đáo. Sau khi hoạt động dâng lễ vật kết thúc thì hội tổ chức các trò chơi dân gian như: cờ tướng, chọi gà, hát chèo, nấu cơm... làm cho không khí của ngày hội càng thêm tưng bừng và náo nhiệt. Em cảm thấy rất vui. Em mong chờ sớm đến ngày hội sang năm lắm.”

Tuy vậy, học sinh muốn có một bài văn nói tốt thì phải trang bị đầy đủ kiến thức và kĩ năng nói. Hai mặt này có mối quan hệ chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau.

2.2. Thực trạng kĩ năng viết bài Tập làm văn

Ở lớp 3, học sinh được học và làm các bài Tập làm văn viết như: điền vào giấy tờ in sẵn; viết một số giấy tờ theo mẫu; viết thư; ghi chép sổ tay; kể hoặc tả ngắn về người thân, gia đình, trường lớp, quê hương, lễ hội, hoạt động thể thao - văn nghệ, ...

Để khảo sát thực trạng kĩ năng viết bài Tập làm văn của học sinh, chúng tôi đã tiến hành điều tra tại một số lớp 3 trường Tiểu học Đồng Xuân - Phúc Yên - Vĩnh phúc.

2.2.1. Thực trạng kĩ năng xác định yêu cầu của bài viết

Học sinh muốn làm tốt bài văn ở bất kì thể loại văn nào thì khâu đầu tiên là các em phải tìm hiểu đề bài. Hiểu đề bài và tìm ý đúng có ý nghĩa quan trọng vì đây là bước định hướng cho quá trình làm bài. Định hướng đúng hay sai sẽ dẫn đến việc làm bài đúng hay sai.

Để nắm được tình hình cụ thể về kỹ năng tìm hiểu đề và tìm ý (thu thập tài liệu cho bài viết), chúng tôi đưa ra đề bài sau:

Viết về một trận thi đấu thể thao.

Các kết quả được đánh giá theo các mức độ:

Mức 1: Xác định đúng trọng tâm và yêu cầu của đề, tìm đúng những ý cần thiết để triển khai bài viết.

Mức 2: Xác định đúng trọng tâm và yêu cầu của đề nhưng còn thiếu nhiều ý cần thiết để triển khai bài viết.

Mức 3: Xác định sai yêu cầu của đề bài.

Các kết quả thu được trên đối tượng là 62 học sinh như sau:

Bảng 2: Kỹ năng tìm hiểu đề và tìm ý

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|--------------|---------|--------------|---------|--------------|---------|
| Số lượng | Tỉ lệ % | Số lượng | Tỉ lệ % | Số lượng | Tỉ lệ % |
| 26 | 41.9% | 29 | 46.8% | 7 | 11.3% |

Qua kết quả trên ta thấy số học sinh đạt ở mức độ 1, tức là xác định đúng trọng tâm, yêu cầu của đề và tìm đúng những ý cần thiết để triển khai đoạn văn chiếm tỉ lệ chưa cao (41.9%). Trong khi đó phần lớn học sinh đạt ở mức độ 2 là xác định đúng trọng tâm, yêu cầu của đề nhưng còn thiếu nhiều ý cần thiết để triển khai đoạn văn. Và vẫn còn có những học sinh xác định sai yêu cầu của đề (mức 3 chiếm 11.3%).

Nguyên nhân của thực trạng này có thể một phần do các em còn lúng túng, chưa đọc kỹ đề bài hoặc hiểu sai ý của bài Tập làm văn. Mà để viết được bài Tập làm văn thì khâu đầu tiên là các em phải xác định được yêu cầu của bài viết. Việc một số em gặp khó khăn ngay từ khâu đầu tiên này cũng là điều dễ hiểu.

Thực tế cho thấy phần lớn các em đã hiểu được đề bài. Các em đã xác định được thể loại văn cho bài viết, đối tượng cần viết... Qua dự giờ một số tiết Tập làm văn, tôi thấy các cô giáo rất chú ý tới việc hình thành và rèn luyện kỹ năng tìm hiểu đề bài cho học sinh. Muốn có kỹ năng này, trước tiên các em cần đọc kỹ đề bài để hiểu ý nghĩa của từng từ, từng vế câu, rồi chỉ ra những từ ngữ quan trọng trong đề bài (gạch chân dưới những từ ngữ đó). Đồng thời, các em cần trả lời các câu hỏi như:

- Đề bài yêu cầu viết loại văn nào? (kể chuyện hay miêu tả?..).

- Đề bài yêu cầu giải đáp vấn đề gì? (kể lại câu chuyện nào?, hay sự vật gì?..).

- Phạm vi làm bài? Trọng tâm của bài?.

*Với đề bài: **Viết về một trận thi đấu thể thao.***

Ở đề bài này đa số các em đều đã hiểu được yêu cầu của đề bài và làm được như sau:

- Loại văn: Kể.

- Đối tượng: Một trận thi đấu thể thao.

- Suy nghĩ của em: Em thích trận thi đấu đó.

Mặc dù hiểu đề khá tốt nhưng khi thu thập tài liệu cho bài viết thì học sinh lại rất lúng túng. Điều đó chứng tỏ kỹ năng tìm ý của các em chưa được nhuần nhuyễn.

Việc tìm ý cho bài viết yêu cầu học sinh phải có sự khái quát cao và phải biết tổng hợp các kỹ năng. Đối với mỗi kiểu bài Tập làm văn thì có những yêu cầu riêng trong việc tìm ý. Với văn kể chuyện thì dựa vào một số câu hỏi gợi ý, học sinh cần hồi tưởng lại diễn biến của câu chuyện hoặc tưởng tượng ra những chi tiết, sự việc sau đó sắp xếp chúng theo một logic nhất định (thời gian, không gian, tâm lí...). Còn với văn miêu tả thì để tìm được đúng ý, các em phải biết quan sát và quan sát bằng nhiều giác quan như: mắt, mũi,

tai,... Có như vậy các em mới thu nhận được nhiều nhận xét khác nhau từ đó bài làm thêm phong phú, sinh động.

Ví dụ: Với đề bài “Viết thư” thì vận dụng kỹ năng tìm ý, học sinh cần làm được như sau:

- Bài tập yêu cầu viết thư cho ai?, Ở tỉnh nào? (bạn ở miền Bắc, miền Trung hay miền nam).
- Mục đích viết thư là gì? (làm quen, hẹn bạn thi đua học tốt...).
- Những nội dung cơ bản trong bức thư là gì?

Nói chung, học sinh còn chậm trong việc tìm ý cho bài viết. Tỷ lệ các em tìm được đúng và đủ những ý cần thiết để triển khai bài viết chưa cao. Trong dạy học, muốn học sinh có kỹ năng tìm ý thì giáo viên cần dạy các em biết cách quan sát. Trên cơ sở đó, các em phát hiện ra các ý để ghi lại, để diễn đạt thành văn. Tuy có thể các ý học sinh tìm được còn thể hiện sự ngây thơ, non nớt nhưng nó đã có nét sáng tạo riêng của các em.

2.2.2. Thực trạng kỹ năng lập dàn ý của bài viết

Tiếp theo tìm hiểu đề và tìm ý thì lập dàn ý cũng là một khâu khá quan trọng. Bởi nó giúp học sinh xác định được ý chính cần có để triển khai thành bài viết.

Lập dàn ý là gì? Nó là cách sắp xếp được nội dung của bài viết theo một chiến lược giao tiếp nhất định. Đó là cách tổ chức các ý lớn, ý nhỏ của bài văn sao cho không chỉ là bộc lộ nội dung mà còn có ý nghĩa tích cực đối với người học, giúp họ nhận thức được bài viết một cách dễ dàng, tác động đến tư tưởng, tình cảm, hành động theo ý mà mình mong muốn. Trong dàn ý, nội dung được trình bày thành các nhóm nhỏ. Dàn ý phải bộc lộ được cả hai loại logic: logic của bản thân đối tượng và logic theo cách trình bày viết đối tượng ấy.

Có hai loại dàn ý là dàn ý sơ lược và dàn ý chi tiết. Trước khi viết bài, học sinh luôn có tiết học để xây dựng dàn ý. Trên cơ sở đó, các em dùng khả năng diễn đạt của mình (sử dụng vốn từ vựng, ngữ pháp,...) để viết thành một bài văn hoàn chỉnh.

Để khảo sát thực trạng kỹ năng lập dàn ý của bài viết, chúng tôi yêu cầu học sinh lập dàn ý cho đề bài sau:

“Viết về một trận thi đấu thể thao”.

Đồng thời, chúng tôi cũng đưa ra một bài văn mẫu rồi yêu cầu học sinh đọc và lập lại dàn ý chi tiết của bài văn đó.

Các kết quả được đánh giá theo các mức độ:

Mức 1: Lập được dàn ý tương đối đầy đủ các ý chính, sắp xếp ý theo một trình tự hợp lý.

Mức 2: Lập dàn ý nhưng còn thiếu nhiều ý quan trọng.

Mức 3: Chưa lập được dàn ý.

Kết quả thu được như sau:

Bảng 3: Kỹ năng lập dàn ý

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|--------------|-----------|--------------|-----------|--------------|-----------|
| Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
| 27 | 43.5% | 24 | 38.7% | 11 | 17.8% |

Ta thấy số học sinh lập được dàn ý tương đối đầy đủ các ý chính, sắp xếp ý theo một trình tự hợp lý chiếm tỉ lệ chưa cao (43.5%). Số học sinh lập dàn ý nhưng còn thiếu nhiều ý quan trọng và số học sinh chưa lập được dàn ý chiếm tỉ lệ khá cao (56.5%). Những con số này cũng gần tương ứng với kết quả thu được khi khảo sát kỹ năng tìm hiểu đề và tìm ý của học sinh. Những em đạt ở mức 1 trong khâu tìm hiểu đề và tìm ý vẫn tiếp tục đạt ở mức 1 trong khâu lập dàn ý (tỉ lệ này còn tăng lên 1.6%). Tỉ lệ học sinh đạt ở mức độ 2

giảm và tăng tỉ lệ học sinh đạt ở mức độ 3. Điều đó chứng tỏ nếu các em chưa tìm đủ các ý cần thiết để triển khai bài viết hoặc xác định sai yêu cầu của đề thì sẽ dẫn đến việc các em lập dàn ý còn thiếu hoặc chưa lập được dàn ý.

Trong quá trình điều tra kĩ năng lập dàn ý của học sinh, tôi thấy một số em còn ngơ ngác hỏi “Thưa cô lập dàn ý là gì?”. Nếu các em chưa hiểu nội dung và ý nghĩa công việc thì tất nhiên các em chưa thể thực hiện được công việc đó. Tại sao các em lại chưa hiểu? Qua nghiên cứu sách giáo khoa tôi thấy thuật ngữ “dàn ý” hay “lập dàn ý” được nhắc tới nhiều trong các tiết Tập làm văn chuẩn bị cho tiết kiểm tra viết. Các em chưa hiểu có thể do giáo viên chưa lưu ý giải thích và khắc sâu để các em nắm được cách lập dàn ý và ý nghĩa của công việc này. Bên cạnh đó, cũng có thể do trong quá trình học, các em chưa tập trung lắng nghe lời giảng của giáo viên cũng như không thực hiện nhiều nên không nắm được bài.

Với đề bài: “*Viết về một trận thi đấu thể thao*”. Học sinh cần lập dàn ý như sau:

1. Câu mở đầu:

- Trận đấu đó là môn thể thao nào?
- Em đã tham gia hay chỉ xem thi đấu? Em cùng xem với những ai?

2. Phát triển đoạn văn:

- Trận thi đấu đó được tổ chức ở đâu? Khi nào? Giữa đội nào với đội nào?
- Diễn biến của cuộc thi đấu như thế nào? Các cổ động viên đã cổ vũ ra sao?
- Kết quả của cuộc thi đấu ra sao?

3. Câu kết thúc:

- Suy nghĩ của em về trận thi đấu thể thao đó?

Bằng hai loại bài tập điều tra cả hai chiều của kỹ năng lập dàn ý, tôi thấy rằng từ một bài văn cho trước, học sinh dễ dàng chuyển thành dàn ý chi tiết hơn là các em tự lập một dàn ý chi tiết cho một đề văn.

Bên cạnh đó, thực tế cũng cho thấy khá nhiều học sinh chưa biết cách sắp xếp được ý chính, ý phụ, chưa biết cách tìm ý để viết đoạn văn có câu mở đầu, các câu phát triển và câu kết thúc. Điều đó dẫn đến các em luyện tập sai kỹ năng, mà việc luyện tập sai kỹ năng này sẽ ảnh hưởng đến kỹ năng viết bài của học sinh. Đặc biệt, đa số học sinh chưa có thói quen lập dàn ý trước khi viết bài. Do vậy, cần phải rèn cho các em thói quen lập dàn ý và dựa vào dàn ý để trình bày bài văn nói và khai triển thành bài văn viết hoàn chỉnh.

2.2.3. Thực trạng kỹ năng viết đoạn văn

Sau khi xác định được yêu cầu và lập dàn ý cho bài viết, học sinh tiến hành viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Đây là sản phẩm cuối cùng của một quá trình rèn tập lâu dài. Kỹ năng viết ở đây không đơn giản chỉ là viết đúng mẫu chữ và đúng chính tả, biết sử dụng dấu câu phù hợp với từng kiểu câu mà nó còn là cách liên kết ý các câu trong đoạn, làm chúng được liền mạch, gắn bó thống nhất với nhau.

Kỹ năng viết bài tốt không biểu hiện ở bài dài, nội dung nhiều mà nó biểu hiện ở sự chặt chẽ, chính xác, logic hợp lý cả về nội dung và hình thức của bài viết.

Để khảo sát thực trạng kỹ năng viết bài tập làm văn của học sinh lớp 3, chúng tôi yêu cầu các em viết một đoạn văn (từ 5 -7 câu) với đề bài sau:

Viết về một trận thi đấu thể thao.

Các kết quả được đánh giá theo các mức độ:

Mức 1: Khá, giỏi.

Mức 2: Trung bình.

Mức 3: Yếu, kém.

Kết quả thu được như sau:

Bảng 4: Kỹ năng viết đoạn văn

| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
|----------|-----------|----------|-----------|----------|-----------|
| Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
| 24 | 38.7% | 30 | 48.4% | 8 | 12.9% |

Qua kết quả điều tra trên ta thấy kỹ năng viết đoạn văn của học sinh giỏi chiếm 38.7% - còn thấp và thấp hơn so với học sinh đạt ở mức độ trung bình và yếu, kém (chiếm 61.3% - một tỉ lệ khá cao).

Từ thực tế điều tra trên ta thấy hiện nay có những học sinh giải quyết rất tốt yêu cầu của đề văn, nhưng học sinh này không nhiều, mà phần lớn lại là những em viết bài yếu. Đối với học sinh lớp 3, các em học tiết Tập làm văn để rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn ngắn từ 5 đến 7 câu. Trong đoạn văn phải đảm bảo có câu mở đầu, các câu phát triển đoạn và câu kết thúc. Tôi thấy nhiều em viết câu mở đầu và câu kết thúc tương đối hay nhưng khi viết các câu phát triển đoạn thì các em lại tỏ ra lúng túng, luẩn quẩn.

Chẳng hạn: khi viết về trận thi đấu bóng đá có học sinh viết như sau:
“Nhân ngày 26/3 vừa qua, tại sân vận động trường em có tổ chức trận thi đấu cờ vua rất hay. Bạn Minh lớp 3A đấu với bạn Tùng lớp 3B để tranh chức vô địch cờ vua khối 3. Bạn Tùng đi cờ rất hay, ăn được nhiều quân của bạn Minh. Hai bạn cứ đưa quân cờ đi qua đi lại làm các cổ động viên không kịp nhìn theo. Em rất thích trận thi đấu cờ vua đó. Em sẽ cố gắng chăm chỉ luyện tập để chơi cờ vua giỏi như bạn Tùng.”

Hay khi viết về trận thi đấu bóng đá, có em đã phạm vào lỗi liệt kê dài dòng, lủng củng ở các câu triển khai đoạn và chưa nêu lên được diễn biến của trận thi đấu như: *“Đó là trận thi đấu bóng đá sôi nổi nhất của các cầu thủ xuất sắc giữa hai trường tiểu học Xuân Hòa và Tiểu học Đồng Xuân. Trận thi*

đấu được diễn ra trên sân vận động trường Tiểu học Đồng Xuân trong chiều thứ năm tuần qua mà em đã được chứng kiến. Đội bóng trường Tiểu học Đồng Xuân mặc áo màu đỏ, quần màu xanh; đội bóng trường Tiểu học Xuân Hoà mặc áo màu vàng, quần màu trắng. Trọng tài thổi còi bắt đầu trận thi đấu. Đội trường Tiểu học Đồng Xuân là trường em. Hai đội bắt đầu trận đấu. Đội bóng trường em đá rất hay. Và đội bóng trường em đã thắng đội bạn. Trận thi đấu bóng đá thật là hay. Sau này lớn lên em muốn trở thành một cầu thủ xuất sắc để ghi được nhiều bàn thắng cho thể thao nước nhà.”

Qua đó ta có thể thấy việc học sinh viết câu mở đầu và câu kết thúc hay hơn viết các câu triển khai đoạn cũng là điều dễ hiểu. Bởi so với các câu triển khai đoạn thì câu mở đầu và câu kết thúc ngắn hơn và nội dung cũng ít hơn.

Tuy nhiên cũng có một số em chưa viết được câu mở đầu và câu kết thúc, khiến cho bài viết không hay, ý giữa các câu không liên kết với nhau. Khi viết câu mở đầu, có học sinh viết lúng túng, không nêu lên được vấn đề của bài văn cần viết, hoặc có em vào bài lan man, dài dòng dẫn đến khi viết các câu triển khai đoạn sơ sài, không đủ ý. Cũng có em chỉ chú tâm vào viết câu mở đầu, các câu triển khai đoạn mà không viết câu kết thúc làm cho bài viết trở lên cụt ngùn, không để lại dấu ấn trong lòng người đọc.

Ví dụ: Có em viết về trận thi đấu bơi lội như sau: *“Hôm ấy, trời nắng, bố đưa em đi chơi. Đây là món quà bố thưởng cho em vì em đạt được điểm 10 trong môn toán tuần trước. Khi hai bố con đi đến con sông đầu huyện, em và bố thấy tiếng mọi người đang hò reo rất sôi động. Hai bố con đã dừng lạ xem. Bố bảo hôm nay huyện tổ chức thi hội khỏe Phù Đổng. Và em xem hai vận động viên của hai xã Ngọc Thanh và Cao Minh thi đấu. Vận động viên của hai xã đang lao nhanh về phía trước. Họ sải tay, khua nước, đập chân nhịp nhàng. Và tiếng hò reo vang lên, đội xã Cao Minh giành chiến thắng. Đó là trận thi đấu hay.”*

Hay có học sinh viết về trận thi đấu đá cầu nhưng lại không nói lên suy nghĩ, cảm xúc về trận thi đấu đó: *“Hôm đó, trường em tổ chức thi đấu thể thao. Em mặc bộ quần áo màu xanh, Hoàng mặc bộ quần áo màu vàng. Em đã xem một trận thi đấu đá cầu do trường tổ chức. Mỗi đội gồm hai cầu thủ đá cặp với nhau là đội lớp 4A với lớp 4C. Trọng tài thổi còi bắt đầu trận thi đấu. Đội lớp 4C đá rất hay, quả cầu vun vút bay qua bay lại.”*

Cũng có học sinh viết câu kết thúc sáo rỗng, dùng từ không tương hợp làm cho bài viết không hay. Như có em viết câu kết thúc: *“Em sẽ mãi nhớ về trận đá cầu đó, nó luôn ẩn hiện trong tâm trí em không bao giờ quên.”*

Bên cạnh đó, cũng có học sinh viết bài văn rất hay và thú vị. Bài viết của các em không chỉ đảm bảo về nội dung mà cả hình thức. Ví dụ: bài viết về một trận thi đấu bóng đá của một học sinh như sau: *“Nhân ngày 26/3 vừa qua, tại sân vận động trường em có tổ chức trận thi đấu bóng đá chung kết giữa hai đội 4A và 4B. Mới sáng sớm, sân trường đã chật ních người. Em và Nam cũng đến sớm để tìm chỗ ngồi sao cho dễ quan sát. Sau lời tuyên bố khai mạc trận đấu của thầy Hiệu trưởng, hai đội lần lượt ra sân. Đội 4A các anh mặc áo xanh quần đỏ, đội 4B mặc áo đỏ quần trắng. Tiếng còi của thầy tổng phụ trách cất lên hai đội lao vào cướp bóng. Anh Hùng lớp 4A dẫn bóng rất hay, bóng đi léo lét làm cho các cầu thủ lớp 4B không lấy được bóng. Một cú sút cực mạnh bay qua đầu thủ môn 4B và lọt vào lưới. Trận thi đấu bóng đá thật là hay. Sau này lớn lên em muốn trở thành một cầu thủ xuất sắc để ghi được nhiều bàn thắng cho thể thao nước nhà.”*

Hay có em viết: *“Năm nào cũng vậy, trường em đều tổ chức Hội khoẻ Phù Đổng. Em và các bạn trong lớp đã được xem trận chung kết bơi lội giữa các lớp khối 5. Xung Quanh hồ, các bạn chen lấn xô đẩy nhau giành những hàng ghế đầu tiên. Những chiếc khăn quàng bay phấp phới như muốn cổ vũ cho các vận động viên. Tiếng còi của thầy tổng phụ trách đội cất lên. Hoàng,*

Tuấn, Vinh lao nhanh về phía trước. Các bạn sải tay, khua nước, đập chân nhịp nhàng. Sau một, hai phút các bạn vẫn ngang tài ngang sức. Tiếng reo hò, cổ vũ "Cố lên! Cố lên!" vang lên không ngớt. Ô kìa! Ở đường đua số 2 bạn Vinh đã về đích trước tiên. Các bạn reo hò trong niềm vui sướng phấn khởi và sẽ mãi nhớ về trận thi đấu này."

Như vậy, từ thực tế điều tra trên ta thấy đa số các em khi viết đoạn văn đều mắc vào lỗi lặp từ, vốn từ chưa phong phú nên các em gặp khó khăn trong diễn đạt. Thêm vào đó, các em chưa biết cách liên kết làm cho ý giữa các câu, các đoạn văn rời rạc. Các em viết câu văn lủng củng, nói lên suy nghĩ của các em còn hạn chế, chưa bám ý để làm, chưa xây dựng được ý nào là trọng tâm, ý nào là thứ yếu, nên viết đi rồi lặp lại. Hoặc các em chưa nắm được kết cấu của một đoạn văn (có em chỉ viết câu mở đầu, các câu triển khai đoạn mà không có câu kết thúc). Đặc biệt, các em chưa biết kết hợp xen kẽ giải quyết các yêu cầu mà thực hiện một cách riêng rẽ, máy móc. Để trình bày các đoạn văn sinh động, hấp dẫn thì học sinh phải chăm chỉ, tích cực luyện tập và học hỏi cách trình bày, diễn đạt của các bạn.

Một vấn đề nữa là bài viết của học sinh rất ngắn, chỉ khoảng 5 - 7 câu. Chính vì ngôn ngữ còn hạn chế, thời gian làm bài không đủ, các em chỉ viết đoạn văn một lần rồi chuyển sang kiểu bài khác, không có điều kiện để rút kinh nghiệm. Học sinh muốn viết văn tốt thì cũng phải trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng.

Như vậy, qua điều tra thực trạng kỹ năng nói và kỹ năng viết của học sinh, tôi thấy một số nguyên nhân sau dẫn đến chất lượng bài văn nói và viết của các em chưa cao. Khi được hỏi "Em có thích học Tập làm văn không?" thì hơn một nửa số em được hỏi có câu trả lời là "bình thường". Điều này cũng là dễ hiểu vì ở góc độ nào đó, so với các môn học khác thì muốn làm bài văn đạt kết quả cao đòi hỏi học sinh phải trải qua một giai đoạn luyện tập dài.

Mà đặc điểm của học sinh Tiểu học là hứng thú chưa bền vững, các em rất nhanh chán. Thực tế cho thấy, những em chăm chỉ rèn luyện các kỹ năng khi học văn thì bài nói và bài viết sẽ đạt kết quả cao. Còn những em lười nhác thì dẫn đến chất lượng bài không tốt. Một nguyên nhân nữa là do nhiều em lười suy nghĩ, luôn dựa dẫm trong khi làm bài nên đã chép sách mẫu tùy tiện. Điều này làm cho lời văn trong bài trở nên rập khuôn, máy móc và tất nhiên các em không có kỹ năng nói và kỹ năng viết bài.

Như chúng ta đã biết, Tập làm văn là môn học thực hành tổng hợp. Nó là sự thể hiện kết quả học tập của nhiều phân môn khác. Nếu học sinh học tốt các tiết Luyện từ và câu, Tập đọc, Chính tả,... thì các em sẽ vận dụng được vốn từ ngữ, ngữ pháp, cách trình bày,... vào trong bài văn. Kỹ năng nói và viết Tập làm văn chưa cao cũng một phần do bản thân học sinh chưa học tốt các môn học có liên quan trực tiếp đến Tập làm văn.

CHƯƠNG 3

THỬ NGHIỆM BIỆN PHÁP NÂNG CAO KĨ NĂNG HỌC PHÂN MÔN TẬP LÀM VĂN CHO HỌC SINH LỚP 3

3.1. Mục tiêu thử nghiệm

Mục tiêu thử nghiệm của chúng tôi là bằng các biện pháp để nâng cao kĩ năng học phân môn Tập làm văn cho học sinh lớp 3.

3.2. Nội dung cơ bản của chương trình thử nghiệm

Chương trình thử nghiệm được thực hiện qua ba tiết dạy bài Tập làm văn ở khối lớp 3 (2 tiết dạy kĩ năng viết và 1 tiết dạy kĩ năng nói bài tập làm văn).

3.2.1. Soạn giáo án dạy thử nghiệm

Hướng dẫn tổ chức cho học sinh thực nghiệm hoạt động học tập để từ đó giáo viên nắm được kĩ năng nói và viết của học sinh trong phân môn Tập làm văn.

3.2.2. Xác định các biện pháp phát triển kĩ năng học phân môn Tập làm văn cho học sinh

Để nâng cao chất lượng học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 3 trường Tiểu học Đồng Xuân - Phúc Yên - Vĩnh Phúc, chúng tôi đề xuất một số biện pháp sau:

3.2.2.1. Tăng cường hướng dẫn học sinh học và tích lũy vốn kiến thức văn qua các phân môn Tiếng Việt khác

Bài Tập làm văn là thành quả của một quá trình rèn luyện các kĩ năng và vốn kiến thức lâu dài. Chất lượng nói, viết bài Tập làm văn sẽ tốt nếu học sinh có các kĩ năng: tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý.... Đồng thời, các em cũng cần có vốn kiến thức phong phú và sự sáng tạo của bản thân. Giáo viên có thể

hướng dẫn học sinh tích lũy vốn kiến thức thông qua các phân môn Tiếng Việt khác.

a) Hướng dẫn học văn từ phân môn Tập đọc

Các tác giả sách giáo khoa đã lựa chọn rất kĩ những đoạn văn, bài văn hay, phù hợp với lứa tuổi học sinh, gắn liền với chủ đề để đưa vào phân môn Tập đọc. Những bài tập đọc này giống như những bài văn mẫu để học sinh có thể học tập cách miêu tả, cách kể chuyện, cách sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa,...

Muốn dạy học sinh nói, viết văn hay trước tiên phải dạy các em đọc tốt. Đọc tốt ở đây có thể hiểu là học sinh tìm được các chi tiết hay, hình ảnh đẹp, thấy được nghệ thuật miêu tả, kể chuyện cũng như cách bộc lộ tư tưởng, cảm xúc của tác giả qua bài đọc. Người giáo viên cần hướng dẫn học sinh tìm những từ ngữ gợi hình, gợi cảm từ đó cung cấp vốn từ ngữ mới cho các em hiểu và vận dụng.

Việc khai thác những bài tập đọc cho học sinh học hỏi cách miêu tả, kể chuyện có vai trò rất quan trọng. Khi dạy Tập đọc, giáo viên cần lưu ý liên hệ với các kiểu bài Tập làm văn để học sinh nhận biết. Qua phân môn này, giáo viên tạo tâm lý yêu thích văn học, có ham muốn đọc, nói và viết văn. Trên cơ sở đó, các em có hứng thú học Tập làm văn.

b) Dạy cách dùng từ, đặt câu qua phân môn Luyện từ và câu

Các tác giả của cuốn Phương pháp dạy học Tiếng Việt cho rằng: “Không có một vốn từ đầy đủ thì không thể nắm ngôn ngữ như một công cụ giao tiếp. Vì vậy việc bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng cho học sinh tiểu học rất quan trọng.”

Như vậy, muốn nói – viết văn tốt, học sinh không chỉ nắm vững thể loại mà cần có kiến thức phong phú về từ vựng, hiểu nghĩa của từ. Một câu

văn, đoạn văn hay thường chứa trong nó từ ngữ phù hợp, không lặp từ nhiều, có sự thay đổi linh hoạt trong việc sử dụng.

Đặc biệt khi viết văn, các em phải nắm được các quy tắc ngữ pháp như viết hoa, dùng dấu câu đúng chỗ, viết câu phải có kết cấu chủ vị. Trong các tiết Luyện từ và câu, giáo viên cần gắn liền việc dạy khái niệm với thực hành, nêu tác dụng của bài học cho viết văn. Học sinh biết sử dụng các từ đồng nghĩa, gần nghĩa hay từ láy sẽ tránh được việc lặp từ, làm cho bài văn thêm sinh động.

c) Dạy cách viết câu và liên kết các câu trong đoạn

Tập làm văn viết ở lớp 3 giúp học sinh rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn ngắn từ 5 đến 7 câu. Học sinh muốn viết được bài Tập làm văn đúng, hay thì trước tiên các em phải đảm bảo đoạn văn đó có câu mở đầu, các câu triển khai đoạn, câu kết thúc và biết cách liên kết các câu để tạo thành một đoạn văn hoàn chỉnh.

Trong quá trình dạy học, người giáo viên cần lưu ý học sinh về hình thức trình bày của một đoạn văn và rèn các em viết đoạn văn theo các bước:

- Xác định vị trí, nội dung và chọn mô hình đoạn.
- Viết câu mở đoạn.
- Viết các câu triển khai.
- Viết câu kết thúc đoạn.

Một đoạn văn nếu thiếu sự liên kết sẽ trở lên rời rạc, thậm trí lủng củng, thiếu sự logic khoa học. Nhờ có sự liên kết, đoạn văn chặt chẽ về ý, trọn vẹn nội dung thông báo. Khi hướng dẫn học sinh làm bài, giáo viên cần tập cho các em lập dàn ý khái quát để tạo sự liên kết logic giữa các câu trong đoạn văn (câu mở đầu, các câu triển khai đoạn và câu kết thúc đoạn văn). Từ đó, học sinh phát triển các ý chính để tạo lập đoạn văn, sử dụng các biện pháp liên kết tạo sự liên mạch giữa các câu trong đoạn.

3.2.2.2. Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh

“Một trong những trọng tâm của chương trình Tiểu học là tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học; thực hiện dạy học dựa vào hoạt động học tập tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong môi trường giáo dục với sự tổ chức và hướng dẫn của giáo viên, góp phần hình thành những phương pháp và nhu cầu tự học của học sinh” [3].

Qua nhận định trên ta có thể thấy tất cả các môn học đều đòi hỏi ở học sinh sự tích cực, chủ động và sáng tạo. Đối với phân môn Tập làm văn thì đòi hỏi này càng là điều kiện hàng đầu để các em có thể nói tốt, viết tốt. Học sinh muốn làm văn hay thì cần có óc sáng tạo và lòng đam mê, yêu thích. Sự sáng tạo trong làm văn mang tính khám phá, phát hiện ra những đặc điểm riêng biệt, khác thường, đẹp đẽ; biết dùng từ ngữ linh hoạt, không rập khuôn, bắt chước một cách máy móc.

Người giáo viên cần có biện pháp kích lệ hứng thú học tập của học sinh, lựa chọn các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học hợp lí nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong phân môn Tập làm văn của học sinh như phương pháp sử dụng tình huống có vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng các trò chơi,...

3.2.2.3. Tăng cường các hoạt động tham quan, tìm hiểu thiên nhiên, đọc sách báo

Nhà bác học Lê Quý Đôn đã từng khẳng định: “Muốn văn hay phải hiểu biết và từng trải nhiều”. Như vậy, việc tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động như đi tham quan các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử,... có tác dụng nhiều mặt, đặc biệt là với việc viết văn. Quan sát thực tế, học sinh sẽ tăng thêm vốn hiểu biết về thiên nhiên và con người - là những cơ sở quan trọng để viết văn.

Ở trường, giáo viên cần tổ chức và khuyến khích học sinh đọc sách, báo, các tạp chí văn học. Thư viện nhà trường cần có nhiều sách, truyện, tác phẩm văn học hay cho các em đọc. Đọc những cuốn sách hay, học sinh sẽ thêm hứng thú học văn đồng thời cũng bổ sung thêm vốn từ ngữ phong phú, giúp các em linh hoạt hơn khi dùng từ trong bài làm của mình.

Nói chung, tăng cường hoạt động tham quan, tìm hiểu thiên nhiên, đọc sách báo là việc làm cần thiết góp phần phát triển toàn diện con người tinh thần của học sinh. Thông qua các hoạt động này, kiến thức của các em thêm đa dạng, những biểu tượng về thực tại xung quanh thêm rõ ràng, mở rộng được tầm nhìn cho học sinh, tiếp thêm hứng khởi trong học tập.

3.2.3. Khách thể thử nghiệm và đối chứng

Khách thể thử nghiệm và đối chứng là 62 học sinh gồm học sinh lớp 3A1 và lớp 3A2 trường Tiểu học Đồng Xuân - Thị xã Phúc Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc.

- Khách thể thử nghiệm: 30 học sinh lớp 3A2 trường Tiểu học Đồng Xuân – Phúc Yên – Vĩnh Phúc

- Khách thể đối chứng: 32 học sinh lớp 3A1 trường Tiểu học Đồng Xuân – Phúc Yên – Vĩnh Phúc.

3.3. Kết quả nghiên cứu

3.3.1. Kỹ năng nói (kể chuyện)

Để điều tra kỹ năng nói của học sinh lớp thử nghiệm và lớp đối chứng trong phân môn Tập làm văn chúng tôi tiến hành như sau:

Chúng tôi đã soạn giáo án và dạy tiết Tập làm văn trong chương trình Sách giáo khoa Tiếng Việt 3, đó là bài “Kể về lễ hội”. Dựa vào các gợi ý cho trước, chúng tôi yêu cầu học sinh lớp thử nghiệm nói về chủ đề đó. Đồng thời chúng tôi tiến hành kiểm tra như vậy đối với lớp đối chứng. Giáo viên chấm

bài nói của học sinh theo thang điểm 10, xử lí số liệu ra % và lập bảng so sánh:

Bảng 5: Kỹ năng nói của học sinh ở phân môn Tập làm văn

| Mẫu Kết quả | Bài nói | |
|------------------------------|----------------|---------------|
| | Lớp thử nghiệm | Lớp đối chứng |
| 9-10 | 26.67% | 21.87% |
| 7-8 | 53.33% | 46.88% |
| 5-6 | 16.67% | 21.88% |
| Dưới 5 | 3.33% | 9.38% |

Kết quả điều tra giúp chúng tôi so sánh được thực trạng kỹ năng nói của học sinh lớp thử nghiệm và lớp đối chứng. Những học sinh có kỹ năng nói tốt là những học sinh nắm được rõ yêu cầu của đề bài, trả lời được các câu hỏi gợi ý, có vốn từ ngữ phong phú, khi nói thì mạnh dạn, tự tin, không run sợ khi nói trước đám đông. Tỷ lệ học sinh đạt mức khá giỏi ở lớp thử nghiệm cao hơn lớp đối chứng. Cụ thể tỷ lệ học sinh đạt điểm 9-10 lớp 3A2 là 26.67%, lớp đối chứng 3A1 là 21.87%. Tỷ lệ học sinh đạt điểm 7-8 ở lớp thử nghiệm là 53.33%, lớp đối chứng là 46.88%. Số lượng học sinh trung bình, dưới trung bình ở lớp thử nghiệm thấp hơn ở lớp đối chứng. Cụ thể là: tỷ lệ học sinh đạt điểm trung bình lớp thử nghiệm 16.67% điểm dưới trung bình là 3.33%. Trong khi đó ở lớp đối chứng là 21.88% và 9.38%.

Có được kết quả như trên ở lớp thử nghiệm, là do trong quá trình dạy học chúng tôi đã hết sức sử dụng phương pháp dạy học tích cực, lấy học sinh làm trung tâm. Trong tiết Tập làm văn như vậy, chúng tôi đều tạo cơ hội cho học sinh chủ động trình bày bài nói của mình, giúp các em tự tin, mạnh dạn, không run sợ khi trình bày trước đông người.

3.3.2. *Kĩ năng viết đoạn văn*

Để điều tra kĩ năng viết Tập làm văn học sinh lớp thử nghiệm và lớp đối chứng chúng tôi tiến hành như sau:

Chúng tôi đã soạn giáo án và dạy tiết Tập làm văn trong chương trình Sách giáo khoa Tiếng Việt 3, đó là bài “Viết thư”. Sau mỗi bài chúng tôi yêu cầu học sinh lớp thử nghiệm tìm hiểu đề và tìm ý; lập dàn ý để viết đoạn văn hoàn chỉnh. Đồng thời chúng tôi tiến hành kiểm tra như vậy đối với lớp đối chứng. Giáo viên thu bài của học sinh, chấm theo thang điểm 10, xử lí số liệu ra % và lập bảng so sánh:

Bảng 6: Kĩ năng viết Tập làm văn của học sinh ở môn Tiếng Việt.

| Mẫu Kết quả | Viết đoạn văn | |
|------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | Lớp thử nghiệm | Lớp đối chứng |
| 9-10 | 13.33% | 9.38% |
| 7-8 | 43.33% | 37.5% |
| 5-6 | 36.67% | 40.62% |
| Dưới 5 | 6.67% | 12.5% |

Trong quá trình dạy thử nghiệm, chúng tôi đã tiến hành sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, chủ động đưa ra các câu hỏi tìm hiểu bài (ngoài các câu hỏi trong sách giáo khoa) xây dựng phần phân tích dữ liệu thành các câu hỏi gợi mở để học sinh phân tích khai thác, tìm hiểu sâu, lập dàn ý để từ đó viết thành đoạn văn hoàn chỉnh. Kết quả thu được sau khi dạy thử nghiệm là khá khả quan. Ở bài tập này số học sinh đạt điểm khá giỏi – học sinh có khả năng tìm hiểu đề và tìm ý, lập dàn ý để viết đoạn văn tốt, hay ưu thế đều thuộc về lớp thử nghiệm. Cụ thể:

Khi viết đoạn văn, tỉ lệ học sinh đạt điểm 9-10 ở lớp thử nghiệm là 13.33% và lớp đối chứng là 9.38%. Số lượng điểm 7-8 ở lớp thử nghiệm là 43.33%, ở lớp đối chứng là 37.5%. Số lượng học sinh đạt điểm trung bình (5-6) hoặc dưới trung bình do học sinh xác định yêu cầu đề bài sai, chưa lập được dàn ý dẫn đến viết đoạn văn chưa đạt được kết quả cao. Ở lớp thử nghiệm số học sinh ít hơn ở lớp đối chứng, cụ thể là:

Tỉ lệ học sinh đạt mức điểm 5-6 ở lớp thử nghiệm 36.67% và mức điểm trung bình là 6.67% ở lớp đối chứng con số này là 40.62% và 12.5%

Kết quả này khẳng định:

Kĩ năng viết tập làm văn của học sinh phụ thuộc rất nhiều ở kĩ năng tìm vốn tri thức mà các em tích lũy được sau mỗi tiết học, kĩ năng tìm hiểu đề và tìm ý, lập dàn ý, đồng thời còn phụ thuộc vào kĩ năng, phương pháp học sinh vận dụng vốn tri thức vào tình huống khác nhau. Chính vì vậy khi tổ chức dạy học, giáo viên phải linh hoạt sử dụng các phương pháp để học sinh tiếp thu tri thức, đưa ra các câu hỏi gợi ý để các em có kiến thức, kĩ năng viết đoạn văn đạt được kết quả cao.

Như vậy, với số liệu điều tra trên, chúng tôi nhận thấy rằng thực trạng kĩ năng học phân môn Tập làm văn của các em học sinh lớp 3 còn kém. Ở cả bài nói và bài viết thì tỉ lệ học sinh đạt điểm khá, giỏi còn thấp; trong khi tỉ lệ học sinh đạt loại trung bình và yếu cao. Số lượng học sinh có kĩ năng nói đạt ở mức khá, giỏi cao hơn số lượng học sinh viết đoạn văn đạt ở mức độ khá, giỏi (ở lớp thử nghiệm tỉ lệ này tăng lên 13.34%, ở lớp đối chứng tỉ lệ này tăng lên 12.49%). Kết quả này ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả học tập môn Tiếng Việt của học sinh.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Từ kết quả khảo sát thực trạng kỹ năng học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 3, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1. Số học sinh có kỹ năng nói ở mức khá, giỏi vẫn chưa cao. Đa phần là các em nói dựa vào những câu hỏi gợi ý của giáo viên, vốn từ ngữ còn hạn chế

2. Số học sinh có kỹ năng tìm ý, lập dàn ý cũng chiếm tỉ lệ chưa cao. Hầu hết các em xác định được yêu cầu của bài Tập làm văn, nắm được cách làm nhưng đến khâu tìm ý, lập dàn ý các em còn khó khăn khi tìm tư liệu (quan sát), lựa chọn, sắp xếp thành hệ thống các ý.

3. Kỹ năng viết đoạn văn của học sinh còn yếu dẫn đến chất lượng bài viết của các em không cao.

Vốn từ ngữ nghèo nàn nên học sinh rất khó khăn trong việc diễn đạt. Nhiều em sử dụng từ ngữ chưa phù hợp, viết chưa đúng ngữ pháp, sai chính tả, chưa biết so sánh, ví von. Số đông học sinh viết văn như kể, làm bài không có sự liên mạch, kết nối giữa các câu. Đặc biệt rất ít bài có cảm xúc khi viết.

4. Số lượng học sinh có kỹ năng nói đạt ở mức khá, giỏi cao hơn số lượng học sinh viết đoạn văn đạt ở mức độ khá, giỏi.

5. Chúng tôi đề xuất một số biện pháp hi vọng sẽ được áp dụng vào giảng dạy ở trường tiểu học nhằm nâng cao kỹ năng nói và viết Tập làm văn cho học sinh lớp 3.

2. KIẾN NGHỊ

Để góp phần nâng cao chất lượng học tốt các phân môn Tiếng Việt nói chung và đặc biệt là phân môn Tập làm văn nói riêng (ở 2 kỹ năng nói và kỹ năng viết), tôi xin đưa ra một số kiến nghị sau đây:

1. Từ phía giáo viên

- Mỗi giáo viên cần phải thường xuyên trau dồi, đổi mới và củng cố kiến thức cũng như các phương pháp dạy học.

- Giáo viên không chỉ tập trung bổ sung, mở rộng kiến thức văn học mà đồng thời phải rèn luyện các kỹ năng nói và viết văn cho các em

- Phải có sự đầu tư, tâm huyết với mỗi bài giảng.

- Cần thiết kế và đẩy mạnh các hoạt động thực tiễn, hoạt động ngoại khoá cho học sinh.

2. Từ phía học sinh

- Cần phải chăm chỉ học tập, tránh tình trạng lười suy nghĩ.

- Có sự chuẩn bị bài cho tiết học sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A (1997), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*, tập 1, Nxb Giáo dục.
2. Phạm Minh Hạc (1998), *Tâm lí học*, tập 1, Nxb Giáo dục.
3. Đỗ Đình Hoan (2002), *Một số vấn đề cơ bản của chương trình tiểu học mới*, Nxb Giáo dục.
4. Lê Văn Hồng (1997), *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
5. Bùi Văn Huệ (1997), *Giáo trình tâm lí học tiểu học*, Nxb Giáo dục.
6. Vũ Thị Nho (1999), *Tâm lí học phát triển*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
7. Hoàng Phê (2002), *Từ điển tiếng việt*, Nxb Đà Nẵng.
8. Nguyễn Minh Thuyết (2007), *Tiếng Việt 3*, tập 1+2, Nxb Giáo dục.
9. Nguyễn Minh Thuyết (2007), *Hỏi – đáp về dạy học Tiếng Việt 3*, Nxb Giáo dục.
10. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) (2008), *Tiếng Việt 3*, Nxb Giáo dục.
11. Nguyễn Trí (2002), *Dạy và học môn Tiếng Việt theo chương trình mới*, Nxb Giáo dục.
12. Nguyễn Quang Uẩn, Trần Hữu Luyến, Trần Quốc Thành (2000), *Tâm lí học đại cương*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.

PHỤ LỤC 1
PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 1

(Kiểm tra kỹ năng xác định yêu cầu của bài viết)

Họ và tên:

Lớp: Trường Tiểu học Đồng Xuân.

A. Em hãy đọc đề bài sau:

Viết về một trận thi đấu thể thao.

B. Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách điền vào chỗ chấm:

1. Đề bài trên yêu cầu em viết loại văn nào?

.....
.....
.....
.....

2. Đề bài đó yêu cầu em viết về sự kiện gì?

.....
.....
.....
.....

3. Địa điểm diễn ra ở đâu?

.....
.....
.....

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 1B

(Kiểm tra kĩ năng tìm ý)

Họ và tên:

Lớp: Trường Tiểu học Đồng Xuân.

Cho đề bài: Viết về một trận thi đấu thể thao.

1. Em viết về môn thể thao nào?

.....
.....

2. Em tham gia hay chỉ xem thi đấu?

.....
.....

3. Buổi thi đấu được tổ chức ở đâu? Khi nào?

.....
.....

4. Em cùng xem với những ai?

.....
.....

5. Buổi thi đấu diễn ra như thế nào?

.....
.....

6. Kết quả thi đấu ra sao?

.....
.....

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 2A

(Kiểm tra kỹ năng lập dàn ý)

Họ và tên:

Lớp:.....Trường Tiểu học Đồng Xuân.

Em hãy lập dàn ý chi tiết cho bài: “Viết về một trận thi đấu thể thao”.

BÀI LÀM

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 2B

(Kiểm tra kĩ năng lập dàn ý)

Họ và tên:

Lớp: Trường Tiểu học Đồng Xuân.

A. Đọc bài văn sau:

Thứ bảy vừa rồi, em được bố mẹ cho đi xem trận đấu giữa Than Cửa Ông và Hà Tây ở sân vận động Hàng Đẫy, Hà Nội. Nhưng khi bố mẹ và em đến sân vận động, nhìn lên khán đài em thấy động nghịt người, chỗ chật kín. Sau đó mấy phút, hai đội bước ra. Nhạc nổi lên, khiến cho không khí trong sân càng thêm náo nhiệt. Khi trận đấu bắt đầu, các cầu thủ tiến lên, quyết giành bằng được trái bóng. Bỗng trọng tài thổi còi và thật không may cho các cầu thủ Than Cửa Ông. Cầu thủ số một đã phạm lỗi. Ngay sau đó là một thẻ vàng dành cho anh. Còn về phía đội Hà Tây thì vẻ mặt vui mừng. Nhưng đến phút thứ năm mươi thì cầu thủ số 15 ở đội Than Cửa Ông đã ghi bàn cho đội mình. Giờ thì sắc mặt của các cầu thủ Hà Tây đã hơi tái đi. Không lâu sau, trọng tài thổi còi báo hết giờ. Tỉ số chung cuộc là 1-0 nghiêng về phía các cầu thủ Thanh Cửa Ông.

Em thấy trận đấu này rất hay và mong sẽ được xem những trận đấu hay hơn nữa.

B. Em hãy viết lại dàn ý cho bài viết trên.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 3A

(Kiểm tra kỹ năng viết đoạn văn)

Họ và tên:

Lớp: Trường Tiểu học Đồng Xuân.

Em hãy viết đoạn văn ngắn từ 5-7 dòng viết về một trận thi đấu thể thao.

BÀI LÀM

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 3B
(Kiểm tra kỹ năng viết đoạn văn)

Họ và tên:

Lớp: Trường Tiểu học Đồng Xuân.

Em hãy viết một bức thư ngắn (khoảng 10 câu) cho một bạn nước ngoài để làm quen và bày tỏ tình thân ái.

BÀI LÀM

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 2

GIÁO ÁN 1

Tên bài: Kể về lễ hội

Soạn ngày: 25 tháng 3 năm 2014

Giảng ngày: 28 tháng 3 năm 2014

Tên giáo sinh: Nguyễn Thị Nhung B

Lớp dạy: 3A2

Giáo viên hướng dẫn: Nguyễn Thị Phương

I. Mục tiêu

- Rèn kĩ năng nói: Quan sát ảnh minh hoạ hai lễ hội (chơi đu và đua thuyền) hình dung và kể lại một cách tự nhiên, sinh động quang cảnh và hoạt động của những người tham gia lễ hội.

II. Chuẩn bị bài học:

GV: Hai bức ảnh minh hoạ trong sách giáo khoa.

HS: Đồ dùng học tập.

III. Nội dung bài học:

1. Ổn định tổ chức lớp (1 phút)

2. Kiểm tra bài cũ (4 phút)

Gọi 2 học sinh lên bảng kể lại câu chuyện: “*người bán quạt may mắn*” và trả lời câu hỏi: “*Vì sao mọi người đua nhau đến mua quạt?*”.

Hai học sinh lên bảng thực hiện yêu cầu, dưới lớp theo dõi và nhận xét.

Giáo viên nhận xét, cho điểm.

3. Tiến trình dạy học

| Phân bố thời gian | Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
|--------------------------|---|---|
| 1 phút | 1. Giới thiệu bài Treo ảnh minh họa và giới thiệu: Giờ Tập làm văn này các em sẽ dựa vào hai bức tranh minh họa để tả lại quang cảnh và hoạt động của những người tham gia lễ hội. | Học sinh lắng nghe. |
| 32 phút | 2. Bài mới <i>a. Hướng dẫn tả lại quang cảnh bức tranh chơi đu</i> | |
| 10 phút | - Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát kĩ ảnh, sau đó đặt câu hỏi gợi ý cho học sinh quan sát và tả: + Hãy quan sát kĩ mái đình, cây đu và đoán xem đây là cảnh gì? Diễn ra ở đâu? và thời gian nào? + Trước cổng đình có treo gì? Có băng chữ gì? - Giáo viên chỉ vào lá cờ ngũ sắc và giới thiệu. + Mọi người đến xem chơi | - Học sinh quan sát ảnh, trả lời câu hỏi gợi ý của giáo viên. - Đây là cảnh chơi đu ở làng quê, trò chơi được tổ chức trước sân đình vào dịp đầu năm mới. + Trước cổng đình có băng chữ đỏ <i>Chúc mừng năm mới</i> và lá cờ ngũ sắc. + Mọi người kéo đến xem chơi |

| | | |
|---------|---|--|
| | <p>đu có đông không? Họ mặc ra sao? Họ xem như thế nào?</p> <p>+ Cây đu được làm bằng gì? Có cao không?</p> <p>- Giáo viên giới thiệu: cây tre là cây thân thuộc, gần gũi của làng quê Việt Nam và được sử dụng làm cây đu trong trò chơi.</p> <p>+ Hãy tả hành động, tư thế của hai người chơi đu.</p> | <p>đu rất đông. Họ đứng chen nhau, người nào cũng mặc quần áo đẹp. Tất cả đều chăm chú nhìn lên đu quay.</p> <p>+ Cây đu được làm bằng tre và rất cao.</p> <p>+ Học sinh tả.</p> |
| 10 phút | <p><i>b. Hướng dẫn tả quang cảnh bức tranh đư thuyền</i></p> <p>- Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát bức tranh đư thuyền và trả lời câu hỏi gợi ý:</p> <p>+ Ảnh chụp cảnh hội gì? Diễn ra ở đâu?</p> <p>+ Trên sông có nhiều thuyền đua không? Thuyền ngắn hay dài? Trên mỗi thuyền có khoảng bao nhiêu người?</p> | <p>- Học sinh quan sát và trả lời.</p> <p>+ Ảnh chụp cảnh hội đua thuyền diễn ra trên sông.</p> <p>+ Trên sông có hơn chục thuyền đua, các thuyền được làm khá dài, mỗi thuyền có khoảng hai chục tay đua.</p> |
| 12 phút | <p>+ Hãy miêu tả tư thế hoạt</p> | <p>+ Các tay đua đều nắm chắc tay</p> |

| | |
|---|---|
| <p>động của từng nhóm người trên thuyền?</p> <p>+ Quang cảnh hai bên bờ sông như thế nào?</p> <p>+ Em có cảm nhận gì về những lễ hội của nhân dân ta qua các bức ảnh trên?</p> <p>+ Giáo viên yêu cầu học sinh tả lại quang cảnh một trong hai bức ảnh cho bạn bên cạnh nghe.</p> <p>+ Giáo viên gọi một học sinh tả trước lớp.</p> <p>+ Giáo viên nhận xét và cho điểm học sinh.</p> | <p>chèo, họ gò lưng, dồn sức vào đôi tay để chèo thuyền.</p> <p>+ Trên bờ sông đông nghịt người đứng xem.</p> <p>+ Học sinh phát biểu ý kiến theo cảm nhận riêng của từng em.</p> <p>+ Học sinh làm việc theo cặp.</p> <p>+ 5 - 7 học sinh tả.</p> <p>+ Học sinh lắng nghe.</p> |
|---|---|

4. Củng cố, dặn dò (2 phút)

- Giáo viên nhận xét tiết học, tuyên dương những học sinh tích cực tham xây dựng bài.

- Dặn dò học sinh về nhà chuẩn bị bài tiết sau.

GIÁO ÁN 2

Tên bài: Viết thư

Soạn ngày: 5 tháng 11 năm 2013

Giảng ngày: 7 tháng 11 năm 2013

Tên giáo sinh: Nguyễn Thị Nhung B

Lớp dạy: 3A2

Giáo viên hướng dẫn: Nguyễn Thị Phương

I. Mục tiêu

- Rèn kỹ năng viết: Biết viết một bức thư ngắn theo gợi ý.

Các KNS cơ bản cần giáo dục: Giao tiếp - ứng xử văn hóa, thể hiện sự cảm thông, tư duy sáng tạo.

II. Chuẩn bị bài học:

GV: Viết sẵn bảng lớp đề bài và gợi ý viết thư.

HS: Đồ dùng học tập.

III. Nội dung bài học:

1. Ổn định tổ chức lớp (1 phút)

2. Kiểm tra bài cũ (4 phút)

3. Tiến trình dạy học

| Phân bố thời gian | Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
|-------------------|---|---|
| 1 phút | 1. Giới thiệu bài mới Tiết học hôm nay, cô sẽ hướng dẫn các em viết một bức thư gửi cho một người bạn ở miền Nam (hoặc miền Bắc, miền Trung) để | Học sinh lắng nghe và nhắc lại tên đầu bài. |

| | | |
|----------------|---|---|
| <p>32 phút</p> | <p>làm quen với bạn và hẹn bạn cùng thi đua. Qua bài: Viết thư.</p> | |
| <p>20 phút</p> | <p>2. Bài mới</p> <p><i>a. Hướng dẫn học sinh phân tích đề bài</i></p> <p>- Giáo viên mời một học sinh đọc to yêu cầu đề bài (học sinh yếu).</p> <p>+ Bài tập yêu cầu các em viết thư cho ai?</p> <p>+ Em viết thư để làm gì?</p> <p>- Gọi một học sinh nhắc lại cách viết một bức thư? (học sinh khá, giỏi).</p> <p>- Giáo viên hướng dẫn thêm: Trước khi viết thư em cần chuẩn bị rõ:</p> <p>+ Em viết thư cho bạn tên là gì?</p> <p>+ Ở tỉnh nào?</p> <p>+ Ở miền nào?</p> <p>- Giáo viên hỏi:</p> <p>+ Mục đích viết thư là gì?</p> <p>+ Những nội dung cơ bản</p> | <p>- Một học sinh đọc, cả lớp theo dõi sách giáo khoa.</p> <p>- Để làm quen với bạn và hẹn bạn cùng thi đua.</p> <p>- Một học sinh nhắc lại.</p> <p>- Làm quen và hẹn bạn cùng thi đua học tốt.</p> <p>- Nêu lí do viết thư - Tự giới</p> |

| | | |
|----------------|---|--|
| <p>12 phút</p> | <p>trong thư?</p> <p>+ Hình thức của lá thư như thế nào?</p> <p>- Giáo viên mời 3- 4 học sinh nói tên, địa chỉ người các em muốn viết thư.</p> <p>- Giáo viên mời một học sinh nói mẫu phần lí do viết thư - phần tự giới thiệu (Học sinh khá, giỏi).</p> <p>- Giáo viên nhận xét, sửa chữa cho các em.</p> <p><i>b. Hướng dẫn viết thư</i></p> <p>- Giáo viên yêu cầu học sinh viết thư vào vở.</p> <p>- Giáo viên theo dõi các em làm bài, giúp đỡ từng học sinh.</p> <p>- Giáo viên mời 5 học sinh đọc bài viết của mình.</p> <p>- Giáo viên nhận xét, tuyên dương những bài viết hay.</p> | <p>thiệu - Hỏi thăm - Hẹn bạn cùng thi đua học tốt.</p> <p>- Như mẫu trong bài: “Thư gửi bà”, Sách giáo khoa trang 81.</p> <p>- 3 - 4 học sinh nói tên, địa chỉ người các em cần viết thư.</p> <p>- Một học sinh nói mẫu.</p> <p>- Học sinh lắng nghe và sửa lại (nếu sai).</p> <p>- Học sinh thực hành viết thư vào vở.</p> <p>- 5 học sinh đọc bài.</p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p> |
|----------------|---|--|

4. Củng cố, dặn dò (2 phút)

- Yêu cầu học sinh nhắc lại cách viết một bức thư.
- Nhận xét tiết học.
- Yêu cầu học sinh chưa hoàn thành nội dung thư về nhà viết và chuẩn bị bài tiết sau.

PHỤ LỤC 3
BIÊN BẢN DỰ GIỜ

Thứ sáu ngày 28 tháng 3 năm 2014

Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Nhung B

Dự giờ lớp: 3A2

Dự giờ phân môn: Tập làm văn

Bài dạy: Viết về một trận thi đấu thể thao

Giáo viên dạy: Nguyễn Thị Phương

Trường: Tiểu học đồng Xuân

Tiến trình bài dạy

| Hoạt động dạy | Hoạt động học (Số học sinh giờ tay) |
|--|--|
| <p>1. Kiểm tra bài cũ</p> <p>T. Cô mời hai bạn lên bảng: Một bạn kể lại trận thi đấu thể thao mà em có dịp xem. Một bạn đọc lại tin thể thao mà em ghi được. T. Một bạn nhận xét phần trả lời của hai bạn trên bảng. T. Nhận xét và cho điểm từng học sinh.</p> <p>2. Bài mới</p> <p><i>a. Giáo viên giới thiệu bài</i></p> <p>Trong giờ Tập làm văn này, các em</p> | <p>(Khoảng 23 học sinh)</p> <p>H. Hai học sinh lên bảng.</p> <p>H. Đúng ạ.</p> |

| | |
|--|--|
| <p>sẽ dựa vào bài tập 1, tiết Tập làm văn tuần 28 để viết một đoạn văn ngắn khoảng 5 - 7 câu về một trận thi đấu thể thao mà em đã được xem.</p> | <p>H. Lắng nghe.</p> |
| <p><i>b. Hướng dẫn làm bài tập</i></p> | |
| <p>T. Hai học sinh đọc lại các câu hỏi gợi ý của bài tập 1, tiết Tập làm văn tuần 28.</p> | <p>(Khoảng 28 học sinh) H. Hai học sinh lần lượt đọc trước lớp, cả lớp theo dõi.</p> |
| <p>T. Hướng dẫn học sinh: Khi viết bài, các em có thể dựa vào các câu hỏi gợi ý và kể như bài tập làm văn miệng tuần trước hoặc kể về một trận thi đấu khác. Trước khi viết bài các em viết ra nháp những ý chính về trận thi đấu để tránh viết thiếu hoặc lạc đề.</p> | <p>H. Lắng nghe.</p> |
| <p>T. Cho học sinh tự viết bài.</p> | |
| <p>T. Gọi khoảng 7 học sinh đọc bài làm trước lớp.</p> | <p>(Khoảng 23 học sinh) H. 7 học sinh đọc bài, dưới lớp theo dõi và nhận xét bài làm của cá bạn.</p> |
| <p>T. Chỉnh sửa lỗi cho từng em, góp ý để các em viết bài hay hơn ở tiết học sau</p> | <p>H. Lắng nghe, sửa sai (nếu có)</p> |
| <p>T. Nhận xét và cho điểm.</p> | |

| | |
|---|----------------------|
| <p>3. <i>Củng cố, dặn dò</i></p> <p>T. Nhận xét tiết học</p> <p>Tuyên dương những học sinh tích cực tham gia xây dựng bài, đồng thời phê bình nhắc nhở những học sinh chưa chú ý làm bài.</p> <p>T. Dặn dò học sinh về nhà chuẩn bị bài sau.</p> | <p>H. Lắng nghe.</p> |
|---|----------------------|